

**NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC HUẾ  
CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN  
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA  
GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11  
(BỘ SÁCH CÁNH DIỀU)**

**HÀ NỘI – 2023**



## Phần thứ nhất NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### I. ĐẶC ĐIỂM MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Giáo dục công dân (môn Đạo đức ở cấp tiểu học, môn Giáo dục công dân ở cấp trung học cơ sở, môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở cấp trung học phổ thông) giữ vai trò chủ đạo trong việc giúp học sinh hình thành, phát triển ý thức và hành vi của người công dân. Thông qua các bài học về lối sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế, môn Giáo dục công dân góp phần bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của người công dân, đặc biệt là tình cảm, niềm tin, nhận thức, cách ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật, có kỹ năng sống và bản lĩnh để học tập, làm việc và sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

Ở giai đoạn giáo dục cơ bản: Đạo đức và Giáo dục công dân là các môn học bắt buộc. Nội dung chủ yếu của môn học là giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật và kinh tế. Những nội dung này định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, quê hương, cộng đồng, nhằm hình thành cho học sinh thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập, sinh hoạt và ý thức tự điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Nội dung chủ yếu của môn học là học vấn phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật phù hợp với lứa tuổi; mang tính ứng dụng, thiết thực đối với đời sống và định hướng nghề nghiệp sau trung học phổ thông của học sinh; được lồng ghép với nội dung giáo dục đạo đức và kỹ năng sống, giúp học sinh có nhận thức đúng và thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân. Ở mỗi lớp 10, 11, 12, những học sinh có định hướng theo học các ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Kinh tế, Hành chính, Pháp luật,... hoặc có sự quan tâm, hứng thú đối với môn học được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm

tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật và kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của học sinh.

## **II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình môn Giáo dục công dân tuân thủ các định hướng nêu trong Chương trình tổng thể, đồng thời, xuất phát từ đặc điểm môn học, nhấn mạnh các quan điểm sau:

**1.** Chương trình môn Giáo dục công dân bảo đảm tính khoa học, tính sư phạm và tính thực tiễn, được xây dựng trên cơ sở: đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; các thành tựu nghiên cứu về tâm lý học, giáo dục học, đạo đức học, luật học, lý luận chính trị và kinh tế học; kinh nghiệm trong nước và quốc tế về phát triển chương trình môn Giáo dục công dân; các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam và giá trị chung của nhân loại; thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam, sự đa dạng của đối tượng học sinh xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

**2.** Chương trình môn Giáo dục công dân bảo đảm tính hệ thống. Ở giai đoạn giáo dục cơ bản, nội dung môn Đạo đức (cấp tiểu học) và môn Giáo dục công dân (cấp trung học cơ sở) được xây dựng theo hướng đồng tâm và phát triển, dựa trên các mạch nội dung giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, kinh tế, pháp luật và xoay quanh các mối quan hệ của con người với bản thân và người khác, với cộng đồng, đất nước, nhân loại, công việc và môi trường tự nhiên; mở rộng và nâng cao dần từ cấp tiểu học đến cấp trung học cơ sở. Ở giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, nội dung môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (cấp trung học phổ thông) được xây dựng theo hướng phát triển tuyến tính, xoay quanh các quan hệ kinh tế và pháp luật, từ kinh tế vĩ mô đến kinh tế vi mô, từ hệ thống chính trị và pháp luật đến quyền và nghĩa vụ công dân.

**3.** Chương trình môn Giáo dục công dân chú trọng tích hợp các nội dung giáo dục trong nội bộ môn học về kỹ năng sống, đạo đức, pháp luật, kinh tế và tích hợp nhiều chủ đề giáo dục cần thiết như: môi trường, bình đẳng giới, di sản văn hoá, phòng chống tệ nạn xã hội, tài chính,... Những nội dung này gắn bó chặt chẽ với cuộc sống thực tiễn của học sinh, gắn liền với các sự kiện có tính thời sự trong đời sống đạo đức, pháp luật, kinh tế, chính trị,

văn hoá, xã hội của địa phương, đất nước và thế giới.

4. Chương trình môn Giáo dục công dân được xây dựng theo hướng mở. Chương trình chỉ quy định những yêu cầu cần đạt; những nội dung dạy học cơ bản, cốt lõi cho mỗi cấp học, lớp học nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt; những định hướng chung về phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục. Căn cứ vào các yêu cầu cần đạt và định hướng chung của chương trình, các tác giả sách giáo khoa, cơ sở giáo dục và giáo viên môn Giáo dục công dân chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện và phát triển chương trình.

### **III. MỤC TIÊU MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

Theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, môn Giáo dục công dân được thực hiện ở ba cấp học: Ở cấp Tiểu học gọi là môn Đạo đức; ở cấp Trung học cơ sở gọi là môn Giáo dục công dân; ở cấp Trung học phổ thông gọi là môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Mục tiêu của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật (GDKTPL) ở cấp Trung học phổ thông nhằm:

a) Giúp học sinh tiếp tục phát triển các phẩm chất đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học cơ sở: Có hiểu biết và tình cảm, niềm tin về những giá trị đạo đức của dân tộc và thời đại, đường lối phát triển đất nước của Đảng và quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; tích cực, tự giác học tập và tham gia lao động, sản xuất phù hợp với khả năng của bản thân; có trách nhiệm công dân trong thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước để góp phần bảo vệ, xây dựng Tổ quốc; tôn trọng quyền, nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật; nhận thức, hành động theo lẽ phải và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, chống các hành vi, hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

b) Giúp học sinh củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học cơ sở: phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; lập được mục tiêu kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân và thực hiện được các công việc học tập, rèn luyện để đạt mục tiêu kế hoạch đã đề ra; có kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật; vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế; có kỹ năng sống, bản lĩnh để tiếp tục học tập, làm việc và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế.

## IV. YÊU CẦU CẦN ĐẠT MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

### 4.1. Về năng lực

#### 4.1.1. Các năng lực chung

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật THPT góp phần hình thành, phát triển ở HS các năng lực chung:

*\* Năng lực tự chủ và tự học*

– *Tự lực*: Luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; biết giúp đỡ người sống ý lại vươn lên để có lối sống tự lực.

– *Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng*: Biết khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu cá nhân phù hợp với đạo đức và pháp luật.

– *Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình*:

+ Đánh giá được những ưu điểm và hạn chế về tình cảm, cảm xúc của bản thân; tự tin, lạc quan.

+ Biết tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của bản thân; luôn bình tĩnh và có cách cư xử đúng.

+ Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống.

+ Biết tránh các tệ nạn xã hội.

– *Thích ứng với cuộc sống*:

+ Điều chỉnh được hiểu biết, kỹ năng, kinh nghiệm của cá nhân cần cho hoạt động mới, môi trường sống mới.

+ Thay đổi được cách tư duy, cách biểu hiện thái độ, cảm xúc của bản thân để đáp ứng với yêu cầu mới, hoàn cảnh mới.

– *Định hướng nghề nghiệp*:

+ Nhận thức được cá tính và giá trị sống của bản thân.

+ Nắm được những thông tin chính về thị trường lao động, về yêu cầu và triển vọng của các ngành nghề.

+ Xác định được hướng phát triển phù hợp sau trung học phổ thông; lập được kế hoạch, lựa chọn học các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.

– *Tự học, tự hoàn thiện:*

+ Xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được; biết đặt mục tiêu học tập chi tiết, cụ thể, khắc phục những hạn chế.

+ Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; hình thành cách học riêng của bản thân; tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn được nguồn tài liệu phù hợp với mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; ghi chép thông tin bằng các hình thức phù hợp, thuận lợi cho việc ghi nhớ, sử dụng, bổ sung khi cần thiết.

+ Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập; suy ngẫm cách học của mình, rút kinh nghiệm để có thể vận dụng vào các tình huống khác; biết tự điều chỉnh cách học.

+ Biết thường xuyên tu dưỡng theo mục tiêu phấn đấu cá nhân và các giá trị công dân.

**\* *Năng lực giao tiếp và hợp tác***

– *Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp:*

+ Xác định được mục đích giao tiếp phù hợp với đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; dự kiến được thuận lợi, khó khăn để đạt được mục đích trong giao tiếp.

+ Biết lựa chọn nội dung, kiểu loại văn bản, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp.

+ Tiếp nhận được các văn bản về những vấn đề khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp của bản thân, có sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng.

+ Biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với các loại phương tiện phi ngôn ngữ đa dạng để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong khoa học, nghệ thuật phù hợp với khả năng và định hướng nghề nghiệp.

+ Biết chủ động trong giao tiếp; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người.

– *Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn:*

+ Nhận biết và thấu cảm được suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác.

+ Xác định đúng nguyên nhân mâu thuẫn giữa bản thân với người khác hoặc giữa những người khác với nhau và biết cách hoá giải mâu thuẫn.

+ *Xác định mục đích và phương thức hợp tác:* Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác để giải quyết một vấn đề do bản thân và những người khác đề xuất; biết lựa chọn hình thức làm việc nhóm với quy mô phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ.

+ *Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân:* Phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của nhóm; sẵn sàng nhận công việc khó khăn của bản thân.

+ *Xác định nhu cầu và khả năng của người hợp tác:* Qua theo dõi, đánh giá được khả năng hoàn thành công việc của từng thành viên trong nhóm để đề xuất điều chỉnh phương án phân công công việc và tổ chức hoạt động hợp tác.

+ *Tổ chức và thuyết phục người khác:* Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của từng thành viên và cả nhóm để điều hoà hoạt động phối hợp; biết khiêm tốn tiếp thu sự góp ý và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các thành viên trong nhóm.

+ *Đánh giá hoạt động hợp tác:* Căn cứ vào mục đích hoạt động của các nhóm, đánh giá được mức độ đạt mục đích của cá nhân, của nhóm và nhóm khác; rút kinh nghiệm cho bản thân và góp ý được cho từng người trong nhóm.

– *Hội nhập quốc tế:*

+ Có hiểu biết cơ bản về hội nhập quốc tế.



+ Biết chủ động, tự tin trong giao tiếp với bạn bè quốc tế; biết chủ động, tích cực tham gia một số hoạt động hội nhập quốc tế phù hợp với bản thân và đặc điểm của nhà trường, địa phương.

+ Biết tìm đọc tài liệu nước ngoài phục vụ công việc học tập và định hướng nghề nghiệp của bản thân và bạn bè.

**\* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo***

– *Nhận ra ý tưởng mới*: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.

– *Phát hiện và làm rõ vấn đề*: Phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

– *Hình thành và triển khai ý tưởng mới*: Nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.

– *Đề xuất, lựa chọn giải pháp*: Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.

– *Thiết kế và tổ chức hoạt động*:

+ Lập được kế hoạch hoạt động có mục tiêu, nội dung, hình thức, phương tiện hoạt động phù hợp.

+ Tập hợp và điều phối được nguồn lực (nhân lực, vật lực) cần thiết cho hoạt động.

+ Biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch, cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề cho phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao.

+ Đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.

– *Tư duy độc lập*: Biết đặt nhiều câu hỏi có giá trị, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

#### **4.1.2. Các năng lực đặc thù**

##### **\* *Năng lực điều chỉnh hành vi***

– *Nhận thức chuẩn mực hành vi*:

+ Hiểu được trách nhiệm của công dân trong bảo vệ, xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị; chấp hành Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Hiểu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các hoạt động kinh tế; các chuẩn mực đạo đức trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng. Có hiểu biết cơ bản về hội nhập kinh tế quốc tế.

– *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác*:

+ Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Đồng tình, ủng hộ những thái độ, hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phê phán, đấu tranh với những thái độ, hành vi, việc làm vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.

– *Điều chỉnh hành vi:*

+ Tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về kinh tế – xã hội.

+ Kiểm soát được tài chính cá nhân.

**\* *Năng lực phát triển bản thân***

– *Tự nhận thức bản thân:* Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu, vai trò, giá trị, khả năng, điều kiện và các quan hệ xã hội của bản thân.

– *Lập kế hoạch phát triển bản thân:*

+ Tự đặt ra được mục tiêu, kế hoạch, biện pháp học tập, rèn luyện và kế hoạch tài chính phù hợp của bản thân.

+ Bước đầu biết tạo lập, xây dựng ý tưởng cho một hoạt động kinh doanh nhỏ; lựa chọn được mô hình hoạt động kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân.

+ Xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân sau trung học phổ thông.

– *Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân:*

+ Thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện các công việc, nhiệm vụ học tập, rèn luyện của bản thân để đạt mục tiêu, kế hoạch đã đề ra và hướng tới các giá trị xã hội.

+ Điều chỉnh được mục tiêu, kế hoạch, phương pháp học tập, rèn luyện phù hợp với cuộc sống thay đổi; khắc phục được sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình thực hiện mục tiêu, kế hoạch đã đề ra; lựa chọn được các môn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.

**\* Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội**

– *Tìm hiểu các hiện tượng kinh tế – xã hội:*

+ Hiểu được các kiến thức khoa học và một số vấn đề cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Hiến pháp, pháp luật, hệ thống chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt

Nam; quyền và nghĩa vụ công dân; trách nhiệm của thanh niên với tư cách công dân.

+ Giải thích được một cách đơn giản một số hiện tượng, vấn đề kinh tế, pháp luật và đạo đức đang diễn ra ở Việt Nam và thế giới.

– *Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội:*

+ Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống; có khả năng tham gia thảo luận, tranh luận về một số vấn đề trong đời sống xã hội đương đại liên quan đến đạo đức, pháp luật và kinh tế.

+ Có khả năng tham gia một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và trong các hoạt động kinh tế.

+ Bước đầu đưa ra được quyết định hợp lí và tham gia giải quyết được một số vấn đề của cá nhân, gia đình và cộng đồng bằng các hành vi, việc làm phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật và lứa tuổi.

**4.2. Về phẩm chất**

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 góp phần bồi dưỡng cho học sinh 5 phẩm chất:

**\* Yêu nước**

– Tự giác thực hiện và vận động người khác thực hiện các quy định của pháp luật, góp phần bảo vệ và xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

– Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị các di sản văn hoá.

– Đấu tranh với các âm mưu, hành động xâm phạm lãnh thổ, biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và

quyền chủ quyền của quốc gia bằng thái độ và việc làm phù hợp với lứa tuổi, với quy định của pháp luật.

– Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

**\* Nhân ái**

– Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

– Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng.

– Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.

– Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.

**\* Chăm chỉ**

– Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập.

– Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động.

– Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

**\* Trung thực**

– Nhận thức và hành động theo lẽ phải.

– Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt.

– Tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật.

**\* Trách nhiệm**

– Có ý thức làm tròn bổn phận với người thân và gia đình.

– Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền pháp luật.

– Đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật.

## **V. NỘI DUNG GIÁO DỤC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11**

Thời lượng môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10: 2 tiết/tuần x 35 tuần = 70 tiết, trong đó:

- Giáo dục kinh tế: 45%
- Giáo dục pháp luật: 45%

- 10% thời lượng còn lại dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

Chuyên đề học tập: 35 tiết (Pháp luật 2 = 20 tiết; Kinh tế 1 = 15 tiết)

**Thời lượng dành cho mỗi bài**

Bài	Số tiết
<b>GIÁO DỤC KINH TẾ</b>	
Bài 1. Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	3
Bài 2. Cung cầu trong kinh tế thị trường	3
Bài 3. Thị trường lao động	3
Bài 4. Việc làm	3
Bài 5. Thất nghiệp	3
Bài 6. Lạm phát	3
Bài 7. Ý tưởng kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	4
Bài 8. Đạo đức kinh doanh	3
Bài 9. Văn hoá tiêu dùng	3
<b>GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b>	
Bài 10. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	3
Bài 11. Bình đẳng giới trong đời sống xã hội	3
Bài 12. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	2
Bài 13. Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội	2
Bài 14. Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử	3
Bài 15. Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo	3
Bài 16. Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc	2

Bài 17. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm	4
Bài 18. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở	2
Bài 19. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín	2
Bài 20. Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin	4
Bài 21. Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo	2

Tổ/nhóm chuyên môn có thể thống nhất xây dựng kế hoạch và đề xuất với Hiệu trưởng quyết định về số tiết cho mỗi bài cụ thể, sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Ngoài chương trình chính thức còn có Chuyên đề học tập với tổng thời lượng là 35 tiết, trong đó chuyên đề 1 là 10 tiết, chuyên đề 2 là 15 tiết và chuyên đề 3 là 10 tiết. Cụ thể:

### **Chuyên đề học tập**

<b>Chuyên đề/Bài</b>	<b>Tổng số tiết</b>
<b>Chuyên đề 1. Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên</b>	
Bài 1. Những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên	15 tiết
Bài 2. Một số chính sách và biện pháp khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên	
<b>Chuyên đề 2. Một số vấn đề về pháp luật lao động</b>	
Bài 3. Khái niệm, nguyên tắc của pháp luật lao động	10 tiết

Bài 4. Một số vấn đề của pháp luật về hợp đồng lao động	
Bài 5. Một số vấn đề của pháp luật lao động về tiền lương và tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động	
<b>Chuyên đề 3. Một số vấn đề về pháp luật dân sự</b>	
Bài 6. Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật dân sự	10 tiết
Bài 7. Một số chế định của pháp luật dân sự: hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, sử hữu trí tuệ và chuyên gia công nghệ	
Bài 8. Một số quy định của pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản	

## VI. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11

### 3.1. Sách và tài liệu

#### \* Sách giáo khoa

Sách giáo khoa (SGK) là tài liệu chính và quan trọng nhất của giáo viên (GV) và HS để dạy và học trong nhà trường phổ thông. SGK là phương tiện nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp của Chương trình giáo dục phổ thông.

SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 được biên soạn trên cơ sở chương trình môn GDKTPL, cụ thể hoá mỗi chủ đề trong chương trình mỗi lớp học thành nội dung bài học. Chương trình được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS, nên SGK được biên soạn để HS, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV, tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực, chủ động và sáng tạo. Thông qua các hoạt động học tập, HS từng bước được hình thành các năng lực chung cũng như các năng lực đặc thù của môn học.

Mỗi bài học trong SGK được thiết kế theo một cấu trúc thống nhất, gồm các phần:



**Mở đầu:** Giới thiệu nội dung chính của bài; thông qua hoạt động khởi động nhằm thu hút học sinh, tạo tâm thế cho học sinh chuẩn bị vào bài học mới.

Phần này thường được thực hiện thông qua các hoạt động: quan sát hình ảnh; kể tên; tổ chức trò chơi; thi đố nhanh, chia sẻ với bạn về những nội dung liên quan đến bài học.

**Khám phá:**

- Nội dung thường được thể hiện qua các thông tin hoạt động kinh tế và pháp luật, các điều luật, các trường hợp điển hình, các tình huống kinh tế và pháp luật.

**Ví dụ:**

**Bài 2** “*Cung, cầu trong kinh tế thị trường*”, khi nói về các nhân tố ảnh hưởng đến cầu, có *trường hợp* về bối cảnh thị trường dầu mỏ thế giới biến động làm giá xăng dầu tăng lên, người tiêu dùng ở thành phố đã phải cân nhắc khi sử dụng phương tiện giao thông, thay vì sử dụng phương tiện ô tô, xe máy cá nhân hoặc taxi, nhiều người đã lựa chọn phương tiện công cộng như xe buýt.

**Bài 10** “*Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật*”, khi nói đến công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí, có *thông tin* về đội quản lí thị trường huyện T lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với cửa hàng của bà X và cửa hàng của bà Y vì cả hai cửa hàng này đều bán đồ chơi điện tử và rượu, thuốc lá nhập lậu.

Trên cơ sở nội dung bài học, GV tổ chức các hoạt động học tập để HS quan sát, trao đổi, thảo luận, chia sẻ,... với các câu hỏi khai thác nội dung các thông tin hoạt động kinh tế và pháp luật, các điều luật, các trường hợp điển hình, các tình huống kinh tế và pháp luật,... từ đó HS cùng nhau xây dựng nên kiến thức bài học.

Cuối mỗi hoạt động là phần chốt kiến thức.

**Luyện tập:** Gồm các bài tập tự luận, tình huống, trắc nghiệm,... nhằm củng cố, rèn luyện học sinh theo các nội dung đã học trong phần Khám phá, tạo điều kiện cho học sinh tăng cường rèn luyện, để hình thành, phát triển các năng lực cần

thiết theo yêu cầu của mỗi bài học, như năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giải quyết vấn đề,...

Với phần Luyện tập ở mỗi bài học, SGK đáp ứng yêu cầu rèn luyện cho học sinh các kỹ năng: quan sát, nhận xét đánh giá, so sánh,...

**Vận dụng:** Nhằm tạo điều kiện cho HS thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng bài học vào đời sống thực tiễn ở trong giờ học cũng như ngoài giờ học, thông qua các bài tập yêu cầu vận dụng.

### **Ví dụ:**

**Bài 8** “Đạo đức kinh doanh”, có bài tập vận dụng yêu cầu học sinh suy tầm và chia sẻ về một tấm gương có đạo đức trong kinh doanh

**Bài 5** “Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội” có bài tập vận dụng yêu cầu học sinh kể về một trường hợp công dân tích cực thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, từ đó liên hệ đến bản thân.

\* **Sách giáo viên:** Sách giáo viên là tài liệu dành riêng cho GV, là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu và nội dung chương trình, phương tiện, phương pháp, tài liệu dạy học và cách tổ chức dạy học từng bài học trong Chương trình môn GDKTPL lớp 11.

\* **Học liệu điện tử:** Học liệu điện tử môn Giáo dục công dân lớp 8 gồm SGK phiên bản điện tử và SGK điện tử Cánh Diều.

### **1/ Phiên bản điện tử SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật 11**

SGK phiên bản điện tử là phiên bản điện tử của SGK giấy, được số hoá. Giáo viên, học sinh có thể truy cập, sử dụng tiện lợi khi không cần phải có SGK giấy bên cạnh. Phiên bản điện tử mẫu của bộ SGK lớp 8 Cánh Diều được đăng tải trên website: hoc10.vn

## **2/ Video clip hỗ trợ dạy học GDKTPL lớp 11**

Hệ thống học liệu, video clip hoạt hình hoá nội dung, hình ảnh, các dạng bài tập tương tác, giữa sách với người học, có khả năng hỏi đáp – đánh giá kết quả làm bài của người học, do đó có tác dụng hướng dẫn học tập và theo dõi quá trình học của học sinh.

3/ Thiết bị, đồ dùng dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 được xây dựng phù hợp theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 “Cánh Diều”.

## **VII. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11**

### **7.1. Một số phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11**

#### **7.1.1. Dạy học khám phá**

Dạy học khám phá là cách thức tổ chức dạy học, trong đó HS tự tìm tòi, khám phá phát hiện ra tri thức mới nào đó trong chương trình môn học, thông qua các hoạt động dưới sự hướng dẫn, định hướng của GV.

#### **\* Cách tiến hành**

##### *Giai đoạn 1: Chuẩn bị*

– Xác định vấn đề cần khám phá: Là vấn đề thường chứa đựng thông tin mới đặt dưới dạng câu hỏi hoặc bài tập nhỏ. Vấn đề khám phá cần phải vừa sức với HS.

– Xác định cách thức thu thập dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá. Các dữ liệu thu được có thể là những quan sát trực tiếp của HS thông qua các hiện tượng thực tế hoặc các thông tin đọc được trong sách báo, tài liệu, hoặc từ chính các trải nghiệm của HS.

– Xác định nội dung vấn đề học tập mà HS cần đạt được qua quá trình khám phá.

– Xác định cách thức báo cáo và đánh giá kết quả của hoạt động khám phá.

##### *Giai đoạn 2: Tổ chức học tập khám phá*

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

– GV cần đảm bảo HS xác định rõ vấn đề cần khám phá, mục đích của việc khám phá đó cũng như cách thức hoạt động trong quá trình khám phá.

#### Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập khám phá

– HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm đề xuất các giả thuyết về vấn đề được đặt ra; tiến hành thu thập các dữ liệu, thông tin thông qua các hoạt động khảo sát và xử lý các dữ liệu để kiểm chứng giả thuyết đã đặt ra. HS có thể làm việc với các phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ,... Sau đó HS trao đổi, thảo luận về tính đúng đắn của các giả thuyết được đưa ra.

#### Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả của hoạt động khám phá. Từ đó, GV hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức mới.

#### ***\* Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học khám phá***

– GV phải hiểu khả năng của từng HS, từ đó có cách hướng dẫn phù hợp, giúp HS hiểu chính xác nhiệm vụ của mình trong từng hoạt động khám phá.

– GV chuẩn bị các câu hỏi gợi mở từng bước, giúp HS tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động. Lưu ý những biểu hiện của HS có khả năng khám phá học tập như: hiểu các thông tin mới, có kỹ năng so sánh, phân tích, tổng hợp, huy động kiến thức và phương pháp giải quyết vấn đề bằng nhiều cách khác nhau. Ngoài ra, cần chú ý tới thái độ chủ động tích cực trong việc tiếp cận và giải quyết tình huống và vấn đề mới, phức tạp.

#### ***\* Ví dụ minh họa***

Để HS nêu được thế nào là trách nhiệm pháp lý, GV tổ chức cho HS đọc và thảo luận thông tin 1, 2 mục 2 bài 10 “Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật”; giải quyết vấn đề cần khám phá, vì sao bà X, bà Y ở thông tin 3, bị cáo C và D ở thông tin 4 đều bị xử lý do vi phạm pháp luật? GV sử dụng phương pháp dạy học khám phá như sau:

#### *Giai đoạn 1:*

– Xác định vấn đề cần khám phá với các giả thiết: *Hành vi của bà X, bà Y ở thông tin 3 và bị cáo C và D ở thông tin 4 là vi phạm pháp luật.*

– Xác định cách thu thập dữ liệu: Tìm thông tin liên quan đến giả thiết. Đọc khoản 1 Điều 3 Bộ luật Tố tụng hình sự về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội:

b) Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật;

b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội.

– Xác định cách báo cáo: cá nhân và nhóm.

*Giai đoạn 2:*

– GV giao nhiệm vụ: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi: *Vì sao các nhân vật ở thông tin 3 và 4 đều bị xử lý do vi phạm pháp luật?*

– HS làm việc cá nhân thu thập các dữ liệu, thông tin để kiểm chứng các giả thiết đã đặt ra, thảo luận theo nhóm về tính đúng đắn của giả thiết và sự đáp ứng của dữ liệu đã tìm được.

– GV tổ chức cho HS trình bày kết quả, hướng dẫn HS lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức:

+ Bà X, bà Y ở thông tin 3, bị cáo C và D ở thông tin 4 đều bị xử lý do vi phạm pháp luật, vì bất kì người nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình, không phân biệt.

+ Việc Đội quản lý thị trường huyện T ở thông tin 3 và Tòa án nhân dân tỉnh V ở thông tin 4 xử phạt những người vi phạm pháp luật đã thể hiện công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.

Từ kết quả làm việc của HS, GV dẫn dắt HS đến hình thành kiến thức: Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý có nghĩa là bất kì người nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình theo quy định của pháp luật.

### **7.1.2. Dạy học hợp tác**

Dạy học hợp tác là dạy học trong đó GV tổ chức cho HS hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do GV đặt ra. Từ đó giúp HS tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt

động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm về việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn bè trong nhóm.

### **\* Cách tiến hành**

Giai đoạn 1: Chuẩn bị

– Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo trình độ của HS, theo vị trí ngồi của HS, theo ngẫu nhiên, theo sở trường của HS,...

– Thiết kế các hoạt động kết hợp cá nhân, theo cặp, theo nhóm để thay đổi hoạt động, tạo hứng thú và nâng cao kết quả học tập của HS.

– Xác định thời gian phù hợp cho hoạt động nhóm để thực hiện có hiệu quả.

– Thiết kế các phiếu/hình thức giao nhiệm vụ tạo điều kiện cho HS dễ dàng hiểu rõ nhiệm vụ và thể hiện rõ kết quả hoạt động của cá nhân hoặc của cả nhóm.

Giai đoạn 2: Tổ chức dạy học hợp tác

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập

GV tổ chức cho toàn lớp với các hoạt động chính như giới thiệu chủ đề; thành lập các nhóm làm việc; xác định nhiệm vụ của các nhóm; xác định và giải thích nhiệm vụ cụ thể của các nhóm; xác định rõ mục tiêu cụ thể cần đạt được. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác.

Các nhóm tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó có hoạt động chính là chuẩn bị chỗ làm việc nhóm; lập kế hoạch làm việc; thỏa thuận về quy tắc làm việc; tiến hành giải quyết nhiệm vụ; chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

Bước 3. Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động hợp tác

Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp (trình bày miệng hoặc trình bày với báo cáo kèm theo, hoặc trình bày có minh họa ). GV hướng dẫn HS lắng nghe và phản hồi tích cực. Kết quả trình bày của các nhóm được chia sẻ với các nhóm khác, để góp ý và là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo.

**\* Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học hợp tác**

- Chủ đề có hợp với dạy học hợp tác theo nhóm không?
- Các nhóm làm việc với nhiệm vụ giống hay khác nhau?
- Học sinh đã có đủ kiến thức điều kiện cho công việc nhóm chưa?
- Cần trình bày nhiệm vụ làm việc nhóm như thế nào?
- Cần chia nhóm theo tiêu chí nào?
- Quy định rõ thời gian thảo luận và thời gian trình bày sản phẩm của mỗi nhóm.
- Trong khi các nhóm thảo luận, GV chủ động quan sát, động viên, khích lệ, hướng HS tập trung thảo luận vào chủ đề đã được phân công.
- Trong giờ học hợp tác, giáo viên dẫn dắt học sinh khám phá, lĩnh hội kiến thức qua từng bước. Các nhóm học sinh thực hiện nhiệm vụ của mình, qua đó có thể rút ra các tri thức, kiến thức cần thiết cho mình.

**\* Ví dụ minh họa**

Để dạy về “Ý tưởng kinh doanh và sự cần thiết của ý tưởng kinh doanh (Mục 1 Bài 7- SGK lớp 11), GV sử dụng phương pháp dạy học hợp tác như sau:

Giai đoạn 1:

- Xác định tiêu chí thành lập nhóm: theo sở trường của HS.
- Thiết kế các hoạt động: Cá nhân kết hợp hợp tác nhóm.
- Xác định thời gian phù hợp.

Giai đoạn 2:

Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm (4 hoặc 6 nhóm) và giao nhiệm vụ cho HS như sau:

+ *Cá nhân: Tự đọc trường hợp và quan sát sơ đồ trong SGK trang 45, 46.*

+ *Làm việc nhóm: Từng thành viên chia sẻ suy nghĩ của mình về hai câu hỏi trong SGK trang 46:*

a) Theo em, vì sao các hãng sản xuất điện thoại luôn cần phải có ý tưởng kinh doanh?

b) Em hãy khai thác nội dung trong sơ đồ để làm rõ các dấu hiệu nhận diện một tưởng kinh doanh.

Nhóm thảo luận tập trung, chọn nội dung đúng nhất để chia sẻ trước lớp.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Mỗi nhóm cử 1 HS làm thư kí ghi câu trả lời của các thành viên trong nhóm, trao đổi, chọn lọc các ý kiến đúng, tập trung nhất để đại diện nhóm trình bày trước lớp.

Bước 3. HS các nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, góp ý, bổ sung.

– GV dựa vào sản phẩm và những trao đổi, lập luận của HS để nhận xét, đánh giá và hướng dẫn HS rút ra kết luận:

a) Các hãng sản xuất điện thoại luôn cần phải có ý tưởng kinh doanh vì sự tác động của cạnh tranh trên thị trường, sự thay đổi nhu cầu, thị hiếu của khách hàng dẫn tới người sản xuất luôn phải suy nghĩ, đổi mới sản phẩm để thu hút khách hàng, có được lợi thế trong cạnh tranh,

b) Dấu hiệu nhận biết một ý tưởng kinh doanh tốt: tính vượt trội; tính mới mẻ, độc đáo; tính hữu dụng; tính khả thi và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ.

### **7.1.3. Dạy học giải quyết vấn đề**

Dạy học giải quyết vấn đề không phải là PPDH riêng biệt, mà là một tập hợp nhiều PPDH liên kết chặt chẽ và tương tác với nhau, trong đó việc đặt ra và hướng dẫn HS giải quyết vấn đề trong tình huống giữ vai trò trung tâm, gắn bó các PPDH khác.

Trong dạy học giải quyết vấn đề, HS được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề đó giúp HS lĩnh hội tri thức, kĩ năng và phương pháp nhận thức. Tình huống có vấn đề sẽ xuất hiện khi một cá nhân đứng trước một nhiệm vụ, vấn đề cần giải quyết và bản thân chưa biết bằng cách nào, chưa đủ phương tiện (tri thức, kĩ năng,...) để tự giải quyết, nhưng có mong muốn giải quyết được nhiệm vụ, vấn đề này.

#### **\* Cách tiến hành**

Bước 1: Nhận biết vấn đề

GV đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc GV có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề. Phát biểu vấn đề dưới dạng “mâu thuẫn nhận thức”, đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và HS muốn tìm tòi để giải quyết vấn đề mâu thuẫn đó.



Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

HS đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề, đưa ra các phương án và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.

Bước 3: Thực hiện kế hoạch

Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu như chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thuyết khác.

Bước 4: Kiểm tra, đánh giá và kết luận

GV tổ chức cho HS rút ra kết luận về cách giải quyết vấn đề trong tình huống đã được đặt ra, từ đó HS lĩnh hội được tri thức, kỹ năng của bài học hoặc vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong môn học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

***\* Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề***

Lựa chọn các mức độ cho phù hợp với trình độ nhận thức của HS và nội dung cụ thể của mỗi bài học. Mức độ tham gia của HS càng nhiều thì HS sẽ càng tích cực, tuy nhiên đòi hỏi trình độ năng lực của HS càng cao.

Ví dụ:

- + GV nêu và giải quyết vấn đề.
- + GV nêu vấn đề và cho HS tham gia giải quyết vấn đề.
- + GV nêu vấn đề và gợi ý HS tìm cách giải quyết vấn đề.
- + GV cung cấp thông tin cho HS, tạo tình huống để HS phát biểu vấn đề và giải quyết vấn đề.
- + HS tự phát hiện vấn đề, tự lựa giải quyết và tự đánh giá.

***\* Ví dụ minh họa***

Đề HS hiểu được thế nào là thực hiện pháp luật bảo hộ về danh dự và nhân phẩm (Bài 18 – SGK lớp 11), GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề như sau:

Bước 1: GV đưa người học vào tình huống có vấn đề bằng câu lệnh: Đọc tình huống và xác định vấn đề cần giải quyết:

– Tình huống: Hai người bảo vệ đuổi theo một tên ăn trộm, đến ngã tư thì mất dấu. Nghi ngờ tên trộm chạy vào nhà ông T, hai người bảo vệ đề nghị ông T cho vào nhà để tìm kiếm tên trộm, nhưng ông T không đồng ý vì không thấy ai vào nhà mình cả. Hai người bảo vệ quyết định không vào nhà ông T, mà quay lại chợ làm nhiệm vụ của mình.

– Câu hỏi thảo luận:

+ Hành vi nào được nhắc đến trong tình huống.

+ Phân tích hành vi của các nhân vật trong tình huống.

+ Hành vi của ai là phù hợp với quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở? Hành vi của ai là không phù hợp, trái quy định của pháp luật?

+ Hành vi của hai người bảo vệ là đúng hay sai? Em có ý kiến như thế nào về quyết định của hai người bảo vệ?

– GV yêu cầu một số HS trình bày, từ đó xác định vấn đề cần giải quyết: Phân tích đánh giá hành vi đúng, sai quy định của pháp luật.

Bước 2: Lập kế hoạch giải quyết vấn đề

– GV yêu cầu HS thảo luận để đề xuất giả thiết, gợi ý về những dấu hiệu xác định hành vi đúng, sai của các nhân vật.

– HS thảo luận, đề xuất phương án và lập kế hoạch giải quyết vấn đề theo các giả thuyết đặt ra.

Bước 3: Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề

HS thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề. Đánh giá việc thực hiện giả thiết đặt ra đã đúng chưa. Trong tình huống này, việc thực hiện giả thiết đặt ra là đúng:

+ Ông T đã thực hiện đúng quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, không cho người khác vào nhà mình để tìm kiếm tên ăn trộm, vì không thuộc trường hợp được pháp luật cho phép.

+ Hành vi của hai người bảo vệ không vào nhà ông T là đúng, phù hợp với pháp luật.

+ Bước 4: Kết luận vấn đề Hành vi không tự tiện vào nhà người khác là hành vi đúng pháp luật.

#### **7.1.4. Dạy học dự án**

Dạy học dự án là phương pháp dạy học, trong đó HS thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được học sinh thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học.

##### ***\* Cách tiến hành***

Giai đoạn 1: Chuẩn bị dự án

Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài: Đề tài dự án có thể nảy sinh từ sáng kiến của GV, HS hoặc của nhóm HS. HS là người quyết định lựa chọn đề tài, nhưng phải đảm bảo nội dung phù hợp với mục đích học tập, phù hợp chương trình và điều kiện thực tế. Để thực hiện dự án, HS phải đóng những vai có thực trong xã hội để tự mình tìm kiếm thông tin và giải quyết công việc.

Chia nhóm và nhận nhiệm vụ: GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm HS và những yếu tố khác liên quan đến dự án. Trong công việc này, GV là người đề xướng nhưng cũng cần tạo điều kiện cho HS tự chọn nhóm làm việc.

Lập kế hoạch: GV hướng dẫn các nhóm HS lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó HS cần xác định chính xác chủ đề, mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Ở giai đoạn này, đòi hỏi ở HS tính tự lực và tính cộng tác để xây dựng kế hoạch của nhóm. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

Giai đoạn 2: Thực hiện dự án

Giai đoạn này, với sự giúp đỡ của GV, HS tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các hoạt động, như: đề xuất các phương án giải quyết và kiểm tra, nghiên cứu tài liệu, tiến hành các thí nghiệm, trao đổi và hợp tác với các thành viên trong nhóm. Trong dự án, GV cần tôn trọng kế hoạch đã xây dựng của các nhóm, cần tạo điều kiện cho HS trao đổi, thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin, cùng nhau đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt được mục tiêu.

Giai đoạn 3: Báo cáo và đánh giá dự án

HS thu thập kết quả, công bố sản phẩm trước lớp. Sau đó, GV và HS tiến hành đánh giá. HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

Giai đoạn 2.

– HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã lập với những nhiệm vụ cụ thể sau:

+ Mỗi nhóm tìm hiểu về một mô hình sản xuất kinh doanh cụ thể: mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế hợp tác xã, mô hình doanh nghiệp ở địa phương.

+ Ghi hình quá trình thực hiện.

+ Viết bài thuyết trình giới thiệu sản phẩm: Tên mô hình sản xuất kinh doanh; chủ thể (chủ sở hữu); lĩnh vực sản xuất kinh doanh; quy mô hoạt động; vai trò xã hội của doanh nghiệp..

+ Thống nhất cách giới thiệu sản phẩm.

– HS cùng nhau tạo sản phẩm đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt mục tiêu.

Giai đoạn 3:

– GV tổ chức cho HS bình chọn ra những dự án hay nhất, có thuyết trình hay và thông điệp ý nghĩa.

– Sau hoạt động này, HS có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. GV đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của HS, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

### **7.1.5. Xử lý tình huống**

Xử lý tình huống là phương pháp dạy học, trong đó GV tổ chức cho HS xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực kinh tế, pháp luật trong thực tiễn.

Phương pháp xử lý tình huống giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo.

Khi thực hiện phương pháp xử lý tình huống, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau:

– Yêu cầu đối với tình huống:

+ Phải phù hợp với chủ đề bài học GDCD.

- + Phù hợp với trình độ nhận thức của HS lớp 10 cả về độ khó và độ dài.
- + Gắn gũi với cuộc sống thực của HS lớp 10.
- + Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gọi ra cho HS nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.
- Yêu cầu về quy trình thực hiện:
  - + GV nêu tình huống và hướng dẫn HS nhận dạng, xác định tình huống:
    - Tình huống xảy ra ở đâu?
    - Tình huống xảy ra khi nào?
    - Xảy ra với ai?
    - Vấn đề cần giải quyết là gì?
  - + GV giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho HS/nhóm HS và hướng dẫn các em các bước để xử lý tình huống:
    - Thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra;
    - Liệt kê/phán đoán các cách giải quyết có thể có;
    - Phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết;
    - So sánh kết quả các cách giải quyết;
    - Lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất;
  - + HS/các nhóm HS làm việc, nêu cách xử lý tình huống qua các câu hỏi cụ thể.
  - + GV tổng kết các ý kiến của HS và định hướng cho các em cách giải quyết, xử lý tình huống phù hợp với chuẩn mực pháp luật và kinh tế.
- Một số yêu cầu khác:
  - + Có thể tổ chức cho các nhóm HS xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.
  - + HS cần xác định rõ tình huống trước khi xử lý tình huống.
  - + Có thể sử dụng kỹ thuật động não để HS cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra, trước khi giao nhiệm vụ cho HS/nhóm HS xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.

+ Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi HS/nhóm HS có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.

#### **7.1.6. Đóng vai**

Dạy học thông qua đóng vai là phương pháp tổ chức cho HS thực hành “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

Phương pháp đóng vai thường gắn với phương pháp xử lý tình huống và có vai trò quan trọng trong việc phát triển cho HS các năng lực: giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo,...

Khi sử dụng phương pháp đóng vai, GV cần đảm bảo những yêu cầu sau:

– Yêu cầu về tình huống đóng vai:

+ Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học, phù hợp với lứa tuổi, trình độ HS lớp 10 và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.

+ Tình huống không nên quá dài và phức tạp.

+ Tình huống phải có nhiều cách giải quyết.

+ Tình huống cần để mở để HS tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước “ kịch bản”, lời thoại.

– Yêu cầu về cách thực hiện:

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

+ GV nêu chủ đề, chia nhóm và nêu tình huống, giao nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm. Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc một vài nhóm cùng đóng vai.

+ GV cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai của mỗi nhóm.

+ Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai. Trong khi HS thảo luận và chuẩn bị đóng vai, GV nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ HS khi cần thiết.

+ Các nhóm lên đóng vai.

+ Thảo luận lớp: Nhận xét về cách ứng xử, cách thể hiện của các vai diễn.

+ GV kết luận, định hướng cho HS về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã được đóng vai.

- Các yêu cầu khác:
  - + Phải dành thời gian phù hợp, đủ cho HS thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.
  - + Các vai diễn nên để HS xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.
  - + Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.
  - + Nên có hoá trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của hoạt động đóng vai.

## 7.2. Các kiểu bài học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11

SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 11* gồm hai kiểu bài học, đó là bài học Giáo dục kinh tế và bài học Giáo dục pháp luật. Trong SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 11* thuộc bộ sách Cánh Diều, các bài học được phân chia cụ thể như trong bảng dưới đây:

BÀI HỌC	Số tiết
<b>BÀI HỌC GIÁO DỤC KINH TẾ</b>	
Bài 1. Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	3
Bài 2. Cung cầu trong kinh tế thị trường	3
Bài 3. Thị trường lao động	3
Bài 4. Việc làm	3
Bài 5. Thất nghiệp	3
Bài 6. Lạm phát	3
Bài 7. Ý tưởng kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	4
Bài 8. Đạo đức kinh doanh	3
Bài 9. Văn hoá tiêu dùng	3
<b>BÀI HỌC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT</b>	

Bài 10. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	3
Bài 11. Bình đẳng giới trong đời sống xã hội	3
Bài 12. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	2
Bài 13. Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội	2
Bài 14. Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử	3
Bài 15. Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo	3
Bài 16. Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc	2
Bài 17. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm	4
Bài 18. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở	2
Bài 19. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín	2
Bài 20. Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin	4
Bài 21. Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo	2

### 7.3. Cách dạy học

#### 7.3.1. Cách dạy học các bài học về giáo dục kinh tế

Để việc dạy học các bài học này được hiệu quả, GV cần chú trọng khai thác các thông tin, trường hợp, tình huống thực tiễn gần gũi với HS THPT, tiêu biểu, điển hình để tổ chức các hoạt động dạy học cho HS. Đó là các thông tin về hoạt động hoạt động sản xuất các ngành nghề ở các địa phương khác nhau trong cả nước, thông tin về hoạt động thị trường, về



chủ trương, chính sách của Nhà nước về thúc đẩy hoạt động kinh tế; các trường hợp điển hình về mô hình sản xuất kinh doanh; các tình huống kinh tế.

### **7.3.2. Cách dạy học các bài về giáo dục pháp luật**

Để việc dạy học các bài học về giáo dục pháp luật được hiệu quả, GV cần tăng cường khai thác các tình huống pháp luật (giả định hoặc có thật), các thông tin pháp luật, các trường hợp điển hình gắn gũi với HS THPT, tiêu biểu, điển hình, kết hợp với việc cho HS tìm hiểu các điều luật cụ thể,... để giáo dục cho HS về các chuẩn mực pháp luật được đặt ra trong yêu cầu của bài học, thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận theo nhóm, theo lớp. Đó là các thông tin về hoạt động của bộ máy nhà nước, các thông tin, trường hợp về thực hiện quyền con người, các tình huống pháp luật, thực hiện pháp luật của các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước,... trong đó ưu tiên nhiều hơn cho việc sử dụng tình huống pháp luật.

Trong tổ chức dạy học, GV tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp điển hình, điều luật,... để đưa vào tổ chức các hoạt động dạy học. Trong quá trình khai thác tình huống, GV nên đi theo một quy trình của quá trình nhận thức: Từ những trường hợp cụ thể (riêng) để đến những giá trị tổng thể (chung); từ thông tin, tình huống trong SGK để đến với đời sống thực tế của HS qua các hoạt động liên hệ. Bằng cách đó, GV giúp HS có thể kết nối cuộc sống với bài học, đưa bài học vào cuộc sống một cách thật tự nhiên.

Như vậy, với cách dạy học các bài học về giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật theo định hướng phát triển năng lực HS, cần thông qua cách tiếp cận đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ trao đổi thảo luận về các thông tin, tình huống, trường hợp điển hình, điều luật,... dẫn dắt đến kiến thức mà HS cần hiểu được. Có như vậy, HS mới được tham gia các hoạt động học tập, được giao tiếp, trao đổi, bày tỏ ý kiến; được tìm tòi, phát triển tư duy sáng tạo, qua đó mà hình thành, phát triển các năng lực theo yêu cầu của mỗi chủ đề bài học.

### **7.3.3. Những lưu ý cần thiết khi khai thác nội dung sách giáo khoa Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 trong dạy học**

Một trong những nguyên tắc mà GV cần bám sát khi khai thác nội dung SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 11* là: Luôn lấy yêu cầu cần đạt làm cơ sở cho việc tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp. Nội dung học tập được HS thảo luận, được GV đưa ra phải bám sát nội dung yêu cầu cần đạt.

Trên cơ sở SGK, GV hoàn toàn có thể linh hoạt, sáng tạo đưa ra những lựa chọn mới phù hợp hơn với thực tiễn sinh động của lớp học, trường học của mình. GV được quyền sáng tạo và linh hoạt trong việc sử dụng SGK, thay đổi dữ liệu, chất liệu, thay đổi tình huống, thông tin, cách tiếp cận vấn đề,...

SGK *Giáo dục kinh tế và pháp luật 11* của bộ sách Cánh Diều phù hợp với mọi vùng miền trong cả nước, vì các tác giả đã tính đến sự đa dạng, khác biệt vùng miền. Tuy vậy, sự phổ quát đó khi đưa vào sử dụng trong thực tế vẫn có thể được điều chỉnh để trở nên “địa phương hoá”, để từ đó có những giờ học giàu tính thực tế hơn, gần gũi và hấp dẫn hơn với HS.

## Phần thứ hai

### **HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC, KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

*(Theo Công văn số 5512/BGDĐT–GDTrH ngày 18/12/2020 và Công văn số 2613 ngày 23/6/2021 của Bộ GDĐT)*

)

## **A – HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

### **I. Hướng dẫn thực hiện chương trình môn giáo dục công dân**

#### **1.1. Thời lượng thực hiện chương trình ở các lớp (theo số tiết học)**

Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
35	35	35	35	35	35	35	35	35	70	70	70

Ở cấp trung học phổ thông, mỗi lớp có thêm 35 tiết/năm học cho các chuyên đề học tập lựa chọn.

### 1.2. Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục ở các lớp

Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục do tác giả sách giáo khoa và giáo viên chủ động sắp xếp căn cứ vào yêu cầu cần đạt ở mỗi lớp và thực tế dạy học. Tỷ lệ % thời lượng các nội dung giáo dục như sau:

Nội dung giáo dục	Tiểu học					Trung học cơ sở				Trung học phổ thông		
	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
GD đạo đức	60%	55%	55%	55%	55%	35%	35%	35%	35%			
GD kĩ năng sống	30%	25%	25%	15%	25%	20%	20%	20%	20%			
GD kinh tế				10%	10%	10%	10%	10%	10%	45%	45%	45%
GD pháp luật		10%	10%	10%		25%	25%	25%	25%	45%	45%	45%

Thời lượng còn lại của chương trình dành cho các hoạt động đánh giá định kì.

### 1.3. Nội dung giáo dục môn GDCTD lớp 11

Chương trình môn GDCTD lớp 11 quy định thời lượng thực học trong một năm học và tỷ lệ thời lượng cho từng mạch nội dung và thời lượng dành cho đánh giá định kì. Căn cứ vào đó để tính số tiết cụ thể tương ứng cho từng mạch nội

dung.

Từ số tiết của mạch nội dung sẽ phân chia thời lượng (tính số tiết) cho từng chủ đề dựa trên phân tích các yêu cầu cần đạt mà Chương trình đã quy định cho chủ đề đó.

STT	Nội dung giáo dục	Thời lượng	Số tiết	Chủ đề theo CT	Bài học theo SGK	Số tiết
1	Giáo dục kinh tế	45%	32	1. Cạnh tranh, cung cầu trong kinh tế thị trường	1. Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	3
					2. Cung cầu trong kinh tế thị trường	3
				2. Thị trường lao động, việc làm	3. Thị trường lao động	3
					4. Việc làm	3
				3. Lạm phát, thất nghiệp	5. Lạm phát	3
					6. Thất nghiệp	3
				4. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	7. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	5
				5. Đạo đức kinh doanh	8. Đạo đức kinh doanh	5
				6. Văn hoá tiêu dùng	9. Văn hoá tiêu dùng	4
				2		
11. Bình đẳng giới trong đời sống xã hội	3					

	<b>Giáo dục pháp luật</b>	45%	32		12. Bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	2
				8. Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân	13. Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội	2
					14. Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử	3
					15. Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo	3
					16. Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc	2
				9. Một số quyền tự do cơ bản của công dân	17. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm	4
					18. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở	2
					19. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín	2

					20. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và tiếp cận thông tin	4
					21. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo	2

### CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP

STT	Nội dung giáo dục	Thời lượng	Số tiết	Chủ đề theo CT	Bài học theo SGK	Số tiết
1	Giáo dục kinh tế	43	15	1. Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên	1. Những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế môi trường tự nhiên	
					2. Một số chính sách và biện pháp nhằm khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của biến đổi kinh tế đến môi trường tự nhiên	8
2	Giáo dục pháp luật	57	20	2. Một số vấn đề về pháp luật lao động	3. Khái niệm, nguyên tắc của pháp luật lao động	3
					4. Một số vấn đề của pháp luật lao động về hợp đồng lao động	4
					5. Một số vấn đề của pháp luật lao động về tiền lương,	3

					tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động	
				3. Một số vấn đề về pháp luật dân sự	6. Khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật dân sự	3
					7. Một số chế định của pháp luật dân sự: hợp đồng dân sự nghĩa vụ dân sự, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	4
					8. Một số quy định của pháp luật dân sự về hôn nhân và gia đình, thừa kế di sản	3

Đây là những căn cứ quan trọng để xây dựng nội dung, thiết kế các hoạt động học và lựa chọn ngữ liệu của một chủ đề/bài học tương ứng với thời lượng của chủ đề/bài học đó. Vì vậy, khi thực hiện chương trình môn GDKTPL lớp 11, GV có thể tăng hoặc giảm thời lượng của một chủ đề/bài học cho phù hợp với điều kiện và đối tượng HS, nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không vượt quá tổng thời lượng môn học và thời lượng của từng mạch nội dung không thay đổi, đồng thời ngữ liệu phải được bổ sung hoặc giảm đi khi tăng/giảm thời lượng của chủ đề/bài học đó.

### 3. Kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn

Kế hoạch giáo dục (KHGD) của tổ/nhóm chuyên môn là căn cứ quan trọng để phân công nhiệm vụ cho GV trong tổ/nhóm. Từ bản kế hoạch này, GV có cơ sở triển khai việc xây dựng KHGD của cá nhân và Kế hoạch bài dạy (KHBD). KHGD của tổ/nhóm chuyên môn là cầu nối giữa mục tiêu của chương trình với các bài học cụ thể

của GV.

Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn là người chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức xây dựng KHGD của tổ/nhóm chuyên môn. Các GV trong tổ/nhóm dưới sự tổ chức và phân công nhiệm vụ của tổ trưởng/nhóm trưởng tham gia vào quá trình xây dựng KHGD, có thể trực tiếp xây dựng hoặc đóng góp các ý kiến. Sự tham gia của GV trong tổ/nhóm chuyên môn sẽ đảm bảo việc xây dựng một bản KHGD có tính thống nhất, sự đồng thuận cao.

KHGD của tổ/nhóm chuyên môn khi được phê duyệt bởi Hiệu trưởng nhà trường sẽ là căn cứ có tính chất pháp lí để GV triển khai thực hiện. Mỗi GV có thể cụ thể hóa kế hoạch của tổ chuyên môn thành kế hoạch KHGD cá nhân và KHBD. Quá trình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch của tổ/nhóm chuyên môn, vì thế vừa là quá trình thực hiện các kế hoạch đặt ra, vừa là quá trình cá nhân hóa các nhiệm vụ trong một năm học.

KHGD của tổ/nhóm chuyên môn bao gồm hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. Tổ chuyên môn trong quá trình xây dựng các kế hoạch này có thể tham khảo cấu trúc gợi ý và kế hoạch minh họa dưới đây:

### **Cấu trúc KHGD của tổ/nhóm chuyên môn:**

TRƯỜNG.....

TỔ.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

### **KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**Năm học:**



## I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Số lớp:.....; Số học sinh:.....;

### 2. Tình hình đội ngũ

Số giáo viên:.....

Trình độ đào tạo: Cao đẳng:.....; Đại học:.....; Trên đại học:.....

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp: Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....; Chưa đạt:.....

### 3. Thiết bị dạy học

TT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
3				
.....				

### 4. Phòng học bộ môn/Phòng học đa năng/sân chơi, bãi tập

TT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các loại thí nghiệm/thực hành	Ghi chú
1				
2				
3				
.....				

## II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

2.1 Môn:.....

### Phân phối chương trình

TT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
----	---------	---------	-----------------	---------

1				
2				
3				
.....				

**Chuyên đề lựa chọn (Đối với cấp THPT)**

TT	Chuyên đề	Số tiết	Yêu cầu cần đạt

**Kiểm tra định kì**

Bài kiểm tra, đánh giá	Thời gian làm bài	Yêu cầu cần đạt	Thời điểm	Hình thức
Giữa học kì I				
Cuối học kì I				
Giữa học kì II				
Cuối học kì II				

2.2. Môn:.....

**III. CÁC NỘI DUNG KHÁC**

3.1.....

3.2.....

Ngày..... tháng.....năm 202

**Tổ trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phê duyệt**  
(Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG THCS....  
TỔ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**  
**Năm học:**

1. Khối lớp:.....; Số học sinh:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
...								

2. Khối lớp:.....; Số học sinh:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
...								

3. Khối lớp:.....; Số học sinh:.....

**TỔ TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm 20...  
**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế hoạch minh họa:**

**Kế hoạch minh họa 1**

TRƯỜNG:.....

TỔ:.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11**

**Năm học: 2023 – 2024**

**I. Đặc điểm tình hình**

1. Số lớp: 6 ; Số học sinh: 240

2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 3 ; Trình độ đào tạo: Cao đẳng: 1; Đại học: 1; Trên đạo học: 2 .....

Mức đạt chuẩn nghề nghiệp:

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài thực hành	Ghi chú
1	Bộ tranh	3 tờ	1. 2.	
2	.....			

4. Phòng học bộ môn/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi và nội dung sử dụng	Ghi chú
1	Phòng đa năng/sân tập thể thao	1	1. Thực hành cách phòng ngừa cháy nổ, sơ cấp cứu ..	
2	...			

## II. Kế hoạch dạy học

### 1. Phân phối chương trình

STT	Bài học	Số tiết	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	Bài 1. Cạnh tranh trong kinh tế thị trường	3 tiết (1,2,3)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được khái niệm cạnh tranh</li> <li>– Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.</li> <li>– Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.</li> <li>– Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Năng lực:</li> <li>* Phẩm chất: Yêu nước, trung thực, trách nhiệm</li> </ul>
2	Bài 2. Cung cầu trong kinh tế thị trường	3 tiết (4,5,6)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được khái niệm cầu và những yếu tố ảnh hưởng đến cầu</li> <li>– Nêu được khái niệm cung và những yếu tố ảnh hưởng đến cung</li> <li>– Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung – cầu trong nền kinh tế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Năng lực:</li> <li>* Phẩm chất: Trách nhiệm.</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể.</li> </ul>	
3	Bài 3. Thị trường lao động	3 tiết (7,8,9)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các khái niệm: lao động, thị trường lao động.</li> <li>- Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.</li> <li>- Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để có thể tham gia thị trường.</li> </ul>	
4	Bài 4. Việc làm	3 tiết (10,11,12)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các khái niệm: việc làm, thị trường việc làm.</li> <li>- Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm.</li> <li>- Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp.</li> </ul>	
5	Bài 5. Thất nghiệp	3 tiết (13,14,15)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được khái niệm thất nghiệp.</li> <li>- Liệt kê được các loại hình thất nghiệp.</li> <li>- Giải thích được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp.</li> <li>- Mô tả được hậu quả của thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.</li> <li>- Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.</li> </ul>	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>– Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế thất nghiệp.</li> </ul>	
6	Kiểm tra giữa học kì I	1 tiết (16)		
7	Bài 6. Lạm phát	3 tiết (17,18,19)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được khái niệm lạm phát.</li> <li>– Liệt kê được các loại hình lạm phát.</li> <li>– Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát.</li> <li>–.Mô tả được hậu quả của lạm phát đối với nền kinh tế và xã hội.</li> <li>– Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát.</li> <li>– Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiểm chế lạm phát.</li> </ul>	
8	Bài 7. Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	5 tiết (20,21,22,23,24)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.</li> <li>– Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.</li> </ul>	

			– Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.	
9	Bài 8. Đạo đức kinh doanh	5 tiết (25,26,27,28,29)	– Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh. – Phân tích được năng lực kinh doanh của bản thân.	
10	Bài 9. Văn hoá tiêu dùng	4 tiết (30,31,32,33)	– Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế. – Nêu được khái niệm và vai trò của văn hoá tiêu dùng. – Mô tả được một số đặc điểm trong văn hoá tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hoá tiêu dùng. – Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hoá. – Phê phán những biểu hiện không có văn hoá trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hoá.	
11	Ôn tập, kiểm tra cuối học kì I	2 tiết (34,35)		
12	Bài 10. Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	3 tiết (36,37,38)	– Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật	Thực hành trải nghiệm



			<p>(bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội.</li> <li>– Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.</li> <li>– Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.</li> </ul>	
13	Bài 11. Bình đẳng giới trong đời sống xã hội	3 tiết (39,40,41)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực.</li> <li>– Nhận biết được ý nghĩa của bình đẳng giới đối với đời sống con người và xã hội.</li> <li>– Đánh giá được các hành vi vi phạm bình đẳng giới trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.</li> <li>– Thực hiện được quy định của pháp luật về bình đẳng giới.</li> </ul>	
14	Bài 12. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo	2 tiết (42,43)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.</li> <li>– Đánh giá được các hành vi vi phạm bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.</li> </ul>	

			– Thực hiện được quy định của pháp luật về bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.
15	Bài 13. Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội	2 tiết (44,45)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.</li> <li>– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội của công dân.</li> <li>– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội của công dân.</li> <li>– Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội của công dân.</li> </ul>
16	Bài 14. Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử, ứng cử	3 tiết (46,47,48)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử.</li> <li>- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền về bầu cử và ứng cử của công dân.</li> <li>– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền bầu cử và ứng cử của công dân.</li> <li>– Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền bầu cử và ứng cử của công dân.</li> </ul>

17	Bài 15. Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo	3 tiết (49,50,51)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo.</li> <li>- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền về khiếu nại, tố cáo của công dân.</li> <li>– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.</li> <li>– Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.</li> </ul>	
18	Kiểm tra giữa học kì II	1 tiết (52)		
19	Bài 16. Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc	2 tiết (53,54)	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc</li> <li>– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc của công dân.</li> <li>– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc của công dân.</li> <li>– Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc của công dân.</li> </ul>	

20	<p>Bài 17. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm</p>	<p>4 tiết (55,56,57,58)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.</li> <li>+ Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.</li> </ul> </li> <li>- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.</li> <li>- Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền bất khả xâm phạm về thân thể và được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.</li> <li>- Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể và được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân trong một số tình huống đơn giản.</li> <li>- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về thân thể và được bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.</li> </ul>	
----	---	---------------------------------	--	--

21	<p>Bài 18. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở</p>	<p>2 tiết (59,60)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.</li> <li>+ Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.</li> </ul> </li> <li>- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở và được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.</li> <li>- Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở và được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.</li> <li>- Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở và được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân trong một số tình huống đơn giản.</li> <li>- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở và được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.</li> </ul>	
----	--	---------------------------	---	--

22	<p>Bài 19. Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín</p>	<p>2 tiết (61,62)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.</li> <li>– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.</li> <li>– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân.</li> <li>– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân trong một số tình huống đơn giản.</li> <li>– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.</li> </ul>	
23	<p>Bài 20. Quyền tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin</p>	<p>4 tiết (63,64,65,66)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.</li> <li>– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân.</li> </ul>	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân.</li> <li>– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân trong một số tình huống đơn giản.</li> <li>– Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.</li> </ul>	
24	Bài 21. Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng, tôn giáo	2 tiết (67,68)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.</li> <li>– Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo của công dân.</li> <li>– Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo của công dân.</li> <li>– Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo của công dân trong một số tình huống đơn giản.</li> </ul>	

			- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.	
25	Ôn tập, kiểm tra cuối học kì II	2 tiết (69,70)		

## 2. Kiểm tra, đánh giá định kì

Bài kiểm tra	Thời gian	Thời điểm	Yêu cầu cần đạt	Hình thức
Giữa Học kì 1	45 phút	Tuần 8	Yêu cầu cần đạt các bài 1,2,3	Kiểm tra viết trên giấy TNKQ + Tự luận
Cuối Học kì 1	45 phút	Tuần 18	Yêu cầu cần đạt các bài 1,2,3,4,5,6,	Kiểm tra viết trên giấy TNKQ + Tự luận
Giữa Học kì 2	45 phút	Tuần 26	Yêu cầu cần đạt các bài 7,8	Kiểm tra viết trên giấy TNKQ + Tự luận
Cuối Học kì 2	45 phút	Tuần 35	Yêu cầu cần đạt các bài 7,8,9,10	Kiểm tra viết trên giấy TNKQ + Tự luận

### III. Các nội dung khác :

.....  
 .....

**NHÓM TRƯỞNG**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng 8 năm 2024  
**HIỆU TRƯỞNG**



(Ký và ghi rõ họ tên)

**B – HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY  
MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11**

**I. CẤU TRÚC KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**TÊN BÀI:** .....

*Thời gian thực hiện: (số tiết)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

Nêu cụ thể yêu cầu HS **làm được gì** (biểu hiện cụ thể của năng lực chung và năng lực đặc thù môn học cần phát triển) trong hoạt động học để **chiếm lĩnh** và **vận dụng** kiến thức theo yêu cầu cần đạt của chương trình môn học/hoạt động giáo dục.

## 2. Về phẩm chất

Nêu cụ thể yêu cầu về hành vi, thái độ (biểu hiện cụ thể của phẩm chất cần phát triển gắn với nội dung bài dạy) của HS trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân lớp 8*;
- Đồ dùng học tập;
- Học liệu.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### MỞ ĐẦU

#### Hoạt động 1: Khởi động

##### a) Mục tiêu

Xác định rõ mục tiêu của hoạt động là gì (tạo không khí thoải mái cho HS chuẩn bị vào bài học mới; HS bước đầu nhận biết, làm quen với nội dung bài học;...).

##### b) Tổ chức thực hiện

- GV giao nhiệm vụ cho HS.
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV giới thiệu bài học mới và những yêu cầu, nhiệm vụ cần giải quyết trong bài học.

### KHÁM PHÁ

**Hoạt động 2 (3, 4...): Hình thành kiến thức mới** (*Ghi rõ tên thể hiện kết quả hoạt động*).

### **a) Mục tiêu**

- Nêu mục tiêu giúp HS thực hiện nhiệm vụ học tập để chiếm lĩnh kiến thức mới.
- Các năng lực được phát triển cho HS.

### **b) Tổ chức thực hiện**

Trình bày cụ thể các bước tổ chức hoạt động học cho HS:

- GV nêu yêu cầu nhiệm vụ cho HS (làm việc theo nhóm: quan sát hình ảnh, đọc thông tin, thảo luận, trả lời câu hỏi,...).
- Sản phẩm làm việc của HS.
- GV kết luận, chốt kiến thức về những nội dung trong hoạt động.

## **LUYỆN TẬP**

### **Hoạt động 5: Luyện tập**

#### **a) Mục tiêu**

- Nêu rõ mục tiêu vận dụng kiến thức đã học.
- Nêu rõ yêu cầu phát triển các kĩ năng vận dụng kiến thức cho HS.

#### **b) Tổ chức thực hiện**

- Nêu rõ cách thức giao nhiệm vụ cho HS; hướng dẫn, hỗ trợ HS thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện.
- Nêu rõ nội dung cụ thể của hệ thống câu hỏi, bài tập tự luận, tình huống,... giao cho HS thực hiện.
- Sản phẩm: Đáp án, lời giải của các câu hỏi, bài tập do HS thực hiện, viết báo cáo, thuyết trình.
- Nêu rõ các năng lực hình thành ở HS sau phần Luyện tập.

## **VẬN DỤNG**

## **Hoạt động 6: Vận dụng**

### **a) Mục tiêu**

Nêu rõ mục tiêu phát triển năng lực cụ thể của HS thông qua nhiệm vụ/yêu cầu vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

### **b) Tổ chức thực hiện**

Giao cho HS thực hiện các bài tập vận dụng ngoài giờ học trên lớp và nộp báo cáo để trao đổi, chia sẻ và đánh giá vào các thời điểm phù hợp trong kế hoạch giáo dục môn học của GV.

### **Tổng kết bài học**

- Tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua một số câu hỏi.
- Hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

## **II. BÀI SOẠN MINH HOẠ**

### **Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH**

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Về năng lực**

HS được phát triển các năng lực:

- *Giao tiếp và hợp tác:*
  - + Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ khái niệm ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.

+ Biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận về tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.

– *Điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh; chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.

– *Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*: Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.

## 2. Về phẩm chất

*Chăm chỉ*: Tự giác tìm tòi, học hỏi các năng lực cần thiết của người kinh doanh; tự giác rèn luyện các năng lực kinh doanh của bản thân.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Máy tính, ti vi, màn hình trình chiếu;

– SGK, SGV, SBT Giáo dục kinh tế và pháp luật 11;

– Video, tranh ảnh liên quan liên quan đến bài học.

– Hình ảnh/ slides chiếu các hình ảnh trong SGK, giấy A3, bút màu, băng keo/nam châm dính bảng; phiếu bài tập.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### MỞ ĐẦU

**Gợi ý:** Trên cơ sở nội dung mở đầu trong SGK, GV có thể sử dụng các cách khác nhau để tổ chức thành hoạt động mở đầu như: tổ chức trò chơi, thảo luận nhóm, xem video về các ý tưởng kinh doanh... để chia sẻ hiểu biết về những ý tưởng kinh doanh hấp dẫn. GV cũng có thể cho HS sưu tầm về những ý tưởng kinh doanh độc đáo của HS và chia sẻ hiểu biết về những ý tưởng kinh doanh đó.

### Hoạt động 1. Khởi động

#### a) Mục tiêu

HS bước đầu nhận biết, làm quen với về chủ đề bài học.

#### b) Tổ chức thực hiện

– GV tổ chức cho các nhóm HS chia sẻ thông tin để tìm hiểu về về ý tưởng kinh doanh độc đáo, nội dung như sau:

a) Mỗi nhóm hãy đọc tin tức trên tivi, báo đài hoặc các chương trình khởi nghiệp để tìm kiếm một ý tưởng kinh doanh mà em cho là hấp dẫn.

b) Từ hoạt động vừa thực hiện, hãy chia sẻ hiểu biết của em về ý tưởng kinh doanh đó.

– HS làm việc theo nhóm để cùng thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.

– GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.

### **Sản phẩm:**

a) HS sưu tầm và giới thiệu được các ý tưởng kinh doanh hấp dẫn, độc đáo.

b) HS chia sẻ được những hiểu biết về những ý tưởng kinh doanh đó.

– GV lựa chọn các nhóm có sản phẩm hay, hấp dẫn để chia sẻ; một số học sinh khác nhận xét, bổ sung (nếu có). Trên cơ sở câu trả lời của các nhóm, GV đưa ra nhận xét, đánh giá về quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV dẫn dắt HS vào bài học.

## **KHÁM PHÁ**

**Gợi ý:** Với các hoạt động ở phần khám phá, từ những ngữ liệu trong SGK, GV có thể thiết kế thành một hoặc nhiều hoạt động tương ứng để hướng dẫn HS chiếm lĩnh từng đơn vị kiến thức với các phương pháp dạy học khác nhau như: Thảo luận theo nhóm, theo cặp, trực quan, đóng vai...

Để thực hiện nội dung phần Khám phá, cần tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học chủ yếu dưới đây:

### **Hoạt động 2. Tìm hiểu về ý tưởng kinh doanh và sự cần thiết của ý tưởng kinh doanh**

#### **a) Mục tiêu**

- Biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ khái niệm ý tưởng kinh doanh.

- Biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận về tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh.

#### **b) Tổ chức thực hiện**

– GV chia lớp thành 4 hoặc 6 nhóm; giao nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Cá nhân: Tự đọc trường hợp và quan sát hình ảnh trong SGK trang 45, 46.

+ Thảo luận nhóm để trả lời hai câu hỏi trong SGK trang 46.

– HS thực hiện nhiệm vụ, làm việc cá nhân và thảo luận nhóm.

– GV quan sát HS làm việc, phát hiện các nhóm có câu trả lời khác nhau.

**Sản phẩm:** Câu trả lời cho các câu hỏi:

a) Các hãng sản xuất điện thoại luôn cần phải có ý tưởng kinh doanh vì sự tác động của cạnh tranh trên thị trường, sự thay đổi nhu cầu, thị hiếu của khách hàng dẫn tới người sản xuất luôn phải suy nghĩ, đổi mới sản phẩm để thu hút khách hàng, có được lợi thế trong cạnh tranh...

b) Dấu hiệu nhận biết một ý tưởng kinh doanh tốt: tính vượt trội; tính mới mẻ, độc đáo; tính hữu dụng; tính khả thi và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ.

– GV mời đại diện một vài nhóm chia sẻ câu trả lời trước lớp. Các cặp đôi khác góp ý và bổ sung.

– GV tiếp tục nêu câu hỏi mở rộng: *Hãy lấy một ví dụ về một ý tưởng kinh doanh và cho biết đó có phải là ý tưởng kinh doanh tốt hay không (căn cứ vào các dấu hiệu nhận biết). Theo em, ý tưởng kinh doanh là gì?* GV mời 2 đến 3 HS đứng tại chỗ trả lời nhanh các câu hỏi.

– GV dựa vào sản phẩm và kết quả thảo luận của HS để nhận xét, đánh giá quá trình HS thực hiện nhiệm vụ và hướng dẫn HS kết luận về khái niệm ý tưởng kinh doanh theo SGK trang 46, 47.

### **Hoạt động 3. Tìm hiểu các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh**

#### **a) Mục tiêu**

HS nhận biết được các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.

#### **b) Tổ chức thực hiện**

– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp; giao nhiệm vụ cho các cặp:

+ *Đọc và thảo luận thông tin 1, 2 ở trang 47.*

+ *Trả lời hai câu hỏi (a) trong SGK trang 48.*

– HS thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ.

– GV quan sát quá trình HS làm việc của các cặp và hỗ trợ nếu HS gặp khó khăn.

**Sản phẩm:**

a) Các thông tin trên cho thấy ý tưởng kinh doanh đến từ hai yếu tố cơ bản là lợi thế nội tại (sự đam mê; hiểu biết) và cơ hội bên ngoài (nhu cầu sản phẩm trên thị trường; nguồn cung ứng; sự cạnh tranh; vị trí triển khai).

Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh đó giúp các chủ thể kinh doanh có thể đưa ra quyết định có tính khả thi.

Từ kết quả thảo luận của HS, GV nhận xét và hướng dẫn HS tìm hiểu các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.

– GV phân tích thêm các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh khác, bằng cách nêu câu hỏi cho cả lớp cùng suy nghĩ, trả lời câu hỏi:

– HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.

– HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

– GV dựa trên câu trả lời của HS để nhận xét và hướng dẫn HS kết luận theo SGK trang 48.

#### **Hoạt động 4. Tìm hiểu về cơ hội kinh doanh**

##### **a) Mục tiêu**

HS biết tham gia các hình thức làm việc nhóm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ để làm rõ vai trò khái niệm ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.

##### **b) Tổ chức thực hiện**

– GV yêu cầu HS mở SGK trang 48, 49 chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cho HS:

+ *Cá nhân: Tự quan sát hình ảnh, đọc trường hợp.*

+ *Làm việc nhóm để trả lời hai câu hỏi trong SGK.*

– HS làm việc cá nhân tìm các chi tiết trong từng hình ảnh, trong thông tin, trường hợp liên quan đến các câu hỏi. Trao đổi, thảo luận trong nhóm (sử dụng kỹ thuật khăn trải bàn).

– GV quan sát HS thực hiện nhiệm vụ, hỗ trợ khi cần thiết.

##### **Sản phẩm:**

a) Các dấu hiệu nhận diện cơ hội kinh doanh bao gồm: tính hấp dẫn, ổn định, đúng thời điểm, khả năng duy trì sản phẩm, dịch vụ và tạo ra giá trị cho người tiêu dùng. HS phân tích, lấy ví dụ làm rõ từng dấu hiệu đó.

b) Từ trường hợp, HS nêu được cách chủ thể sản xuất kinh doanh nhận diện cơ hội kinh doanh như tận dụng thời điểm, xu hướng thời trang, kiểu dáng, mẫu mã đa dạng, giá thành phù hợp với khách hàng...

– HS cử đại diện của nhóm báo cáo sản phẩm và trả lời câu hỏi (nếu có). HS trong lớp lần lượt quan sát kết quả của từng nhóm, ghi chép, lắng nghe, đặt câu hỏi cho nhóm bạn.



- HS nhận xét (sử dụng kỹ thuật 321) thảo luận theo lớp những nội dung chưa thống nhất giữa các nhóm.
- GV tiếp tục nêu câu hỏi mở rộng: *Từ những phân tích trên, theo em cơ hội kinh doanh là gì?* GV mời 2 đến 3 HS trả lời nhanh các câu hỏi và gợi ý cho HS thảo luận.
- GV dựa vào sản phẩm và kết quả thảo luận của HS để nhận xét, đánh giá quá trình HS thực hiện nhiệm vụ và hướng dẫn HS kết luận theo SGK trang 49.

## **Hoạt động 5. Tìm hiểu tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh**

### **a) Mục tiêu**

HS biết sử dụng ngôn ngữ để trình bày thông tin, ý tưởng và để thảo luận, lập luận về tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.

### **b) Tổ chức thực hiện**

- GV yêu cầu HS mở SGK trang 49, 50 và giao nhiệm vụ cho cặp đôi HS:
- + *Cá nhân: Tự quan sát sơ đồ, đọc thông tin và trường hợp trong SGK trang 49, 50.*
- + *Thảo luận cặp đôi để trả lời ba câu hỏi a, b, c trong SGK trang 51.*
- HS thực hiện nhiệm vụ.
- GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ khi cần thiết.

### **Sản phẩm:**

a) HS nêu được mối quan hệ giữa ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ: ý tưởng kinh là điểm xuất phát của quá trình sản xuất kinh doanh (ý tưởng đó có thể đến từ nội tại bên trong hoặc cơ hội bên ngoài); khi đã xây dựng được ý tưởng kinh doanh, người sản xuất kinh doanh sẽ đánh giá cơ hội kinh doanh và đưa ra quyết định để biến ý tưởng kinh doanh thành hiện thực.

b) HS phân tích được cách đánh giá cơ hội kinh doanh theo mô hình SWOT bao gồm 4 thành tố của mô hình: S – Strengths (Điểm mạnh); W – Weaknesses (Điểm yếu); O – Opportunities (Cơ hội); T – Threats (Thách thức). Người kinh doanh có thể sử dụng mô hình này để xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh của mình có khả thi hay không.

c) HS nêu được những lợi ích mà anh Hưng thu được nhờ biết xây dựng ý tưởng kinh doanh, xác định và đánh giá cơ hội kinh doanh, giúp anh có được những thành công ban đầu (lợi nhuận, khách hàng...).

– GV mời đại diện một vài cặp đôi chia sẻ câu trả lời trước lớp. Các cặp đôi khác góp ý và bổ sung.

– GV tiếp tục nêu câu hỏi mở rộng : *Theo em, việc xây dựng ý tưởng kinh doanh, xác định và đánh giá cơ hội kinh doanh có vai trò như thế nào đối với quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp?*

– GV mời 2 đến 3 HS đứng tại chỗ trả lời nhanh các câu hỏi.

– GV dựa vào sản phẩm và kết quả thảo luận của HS để nhận xét, đánh giá quá trình HS thực hiện nhiệm vụ và hướng dẫn HS kết luận theo SGK trang 51.

## **Hoạt động 6. Tìm hiểu các năng lực cần thiết của người kinh doanh**

### **a) Mục tiêu**

HS chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.

### **b) Tổ chức thực hiện:**

– GV yêu cầu HS đọc hai trường hợp trong SGK trang 51, yêu cầu các nhóm thảo luận và đóng vai để trả lời câu hỏi của bài tập:

+ *Hãy thảo luận về các năng lực của người kinh doanh được thể hiện trong mỗi trường hợp trong SGK trang 51.*

+ *Hãy đóng vai để thể hiện các năng lực của người kinh doanh được đề cập ở trường hợp đó (có thể bổ sung thêm các năng lực kinh doanh khác mà em biết).*

– GV hướng dẫn các nhóm HS đọc hai trường hợp và cho biết các năng lực của người kinh doanh được nhắc đến ở mỗi trường hợp đó. Hướng dẫn HS thực hành đóng vai: các nhóm phân công HS đóng vai các nhân vật, tập lời thoại và đóng vai theo tình huống nhóm đã đặt ra.

– HS thảo luận nhóm, nêu ý tưởng và xây dựng kịch bản đóng vai.

– Sản phẩm: HS đóng vai tham gia cuộc thảo luận và đưa ra câu trả lời cho các câu hỏi của bài tập.

– GV mời đại diện 1 – 2 nhóm đóng vai tham gia cuộc thảo luận.

– GV nhận xét, đánh giá phần đóng vai của các nhóm và trao giải cho nhóm có phần đóng vai sáng tạo, hấp dẫn nhất.

– GV dựa vào sản phẩm và kết quả thảo luận của HS để nhận xét, đánh giá quá trình HS thực hiện nhiệm vụ và hướng dẫn HS kết luận theo SGK trang 52.

## LUYỆN TẬP

**Gợi ý:** Trong bài học này, GV có thể thiết kế và tổ chức luyện tập với nhiều cách khác nhau như: đóng vai, tổ chức trò chơi, tọa đàm, thuyết trình, thảo luận nhóm.

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Luyện tập.

### Hoạt động 7. Luyện tập

#### a) Mục tiêu

- HS phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.
- Tự giác tìm tòi, học hỏi các năng lực cần thiết của người kinh doanh; tự giác rèn luyện các năng lực kinh doanh của bản thân.

#### b) Tổ chức thực hiện

##### *Bài tập 1, 2 và 4:*

– GV giao nhiệm vụ cho cá nhân, phát phiếu học tập và yêu cầu HS hoàn thành bài luyện tập 1, 2 và 4. Đóng vai để thể hiện các năng lực của người kinh doanh được ở bài tập 4.

– HS thực hiện nhiệm vụ: Làm việc cá nhân, sau đó trao đổi, thảo luận với bạn ngồi cạnh để hoàn thành phiếu bài tập và thực hành đóng vai.

- GV quan sát HS làm việc, phát hiện sự khác nhau về kết quả giữa các cặp HS khi trao đổi và hoàn thành phiếu học tập.

**Sản phẩm:** Hoàn thành phiếu bài tập và đóng vai.

**Bài tập 4:** A: Năng lực thiết lập quan hệ; B: Năng lực tổ chức lãnh đạo; C: Năng lực cá nhân; D: Năng lực phân tích và sáng tạo; E: Năng lực thực hiện trách nhiệm với xã hội; G: Năng lực chuyên môn; H: Năng lực định hướng chiến lược; I: Năng lực nắm bắt cơ hội kinh doanh.

– GV mời 2 đến 3 cặp HS trình bày tại chỗ từng bài tập 1, 2 trong phiếu, những cặp HS khác đối chiếu với kết quả của mình để đưa ra nhận xét, trao đổi.

– GV mời các cặp đôi lần lượt đóng vai để thể hiện các năng lực cần thiết của người kinh doanh theo bài tập 4 và yêu cầu HS trong lớp xác định tên năng lực được nhắc đến trong mỗi tình huống đóng vai đó.

### ***Bài tập 3:***

– GV yêu cầu HS đọc bài tập 3 trong SGK trang 52, yêu cầu các nhóm thảo luận và vẽ sơ đồ tư duy:

+ *Hãy vẽ sơ đồ tư duy về các năng lực cần thiết của người kinh doanh và cho biết tầm quan trọng của mỗi năng lực đó.*

+ *Hãy đóng vai thể hiện một số năng lực của người kinh doanh mà em cho là quan trọng.*

– GV hướng dẫn các nhóm HS hoàn thành bài tập 3 và thực hành đóng vai: các nhóm phân công HS đóng vai các nhân vật, tập lời thoại và đóng vai theo tình huống nhóm đã đặt ra.

– HS thảo luận nhóm, nêu ý tưởng và xây dựng kịch bản đóng vai.

– Sản phẩm: HS hoàn thành sơ đồ tư duy và đóng vai để thực hành về các năng lực cần thiết của người kinh doanh.

– GV nhận xét, đánh giá phần đóng vai của các cặp đôi và trao giải cho các cặp đôi có phần đóng vai sáng tạo, hấp dẫn nhất.

## **VẬN DỤNG**

**Gợi ý:** Trong bài này, dựa phần vận dụng trong SGK, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện vận dụng 2 ngay tại lớp, định hướng cho HS trải nghiệm bằng cách tổ chức một chương trình gọi vốn đầu tư cho ý tưởng kinh doanh của nhóm. Hoặc GV cho HS thực hiện cả vận dụng 1,2 ở nhà và báo cáo kết quả trong giờ sinh hoạt lớp kết hợp với Hoạt động trải nghiệm (loại hình sinh hoạt lớp).

Dưới đây là một cách thiết kế để tổ chức các hoạt động ở phần Vận dụng.

### **Hoạt động 8. Vận dụng**

#### **a) Mục tiêu**

- HS xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành.
- Phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.

#### **b) Tổ chức thực hiện**

##### ***Vận dụng 1:***

- GV hướng dẫn HS viết bài/ sưu tầm về cơ hội kinh doanh một sản phẩm, dịch vụ mà em cho rằng có thể mang lại lợi nhuận cho các chủ thể sản xuất kinh doanh.
- GV yêu cầu HS có thể viết bài viết ngắn, sưu tầm các thông tin hoặc một cơ hội kinh doanh mà chính các em học sinh đánh giá có tính khả thi, có thể mang lại lợi nhuận cho người kinh doanh.
- HS thực hiện theo yêu cầu, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.
- *Sản phẩm*: Bài viết hoặc thông tin, báo cáo về cơ hội kinh doanh một sản phẩm, dịch vụ có thể mang lại lợi nhuận cho các chủ thể sản xuất kinh doanh.

### ***Vận dụng 2:***

– GV yêu cầu các nhóm HS chuẩn bị kịch bản cho chương trình gọi vốn đầu tư và giao nhiệm vụ cho HS thực hiện ở lớp với nội dung như sau:

+ *Xây dựng kịch bản*: Tạo nhóm, thống nhất ý tưởng (tên kịch bản, nội dung kịch bản liên quan đến ý tưởng kinh doanh mà nhóm cho rằng có tính vượt trội; tính mới mẻ, độc đáo; tính hữu dụng; tính khả thi và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của mình so với các sản phẩm, dịch vụ đã có trên thị trường) phân công nhiệm vụ cho các thành viên và thời gian hoàn thành. GV phân công MC dẫn chương trình, các nhà đầu tư và có thể mời thêm khách mời là chuyên gia, doanh nhân ở địa phương,...

+ *Tổ chức chương trình*: Các nhóm sẽ lần lượt lên trình bày ý tưởng kinh doanh của mình và thuyết phục nhà đầu tư cho sản phẩm của nhóm dựa trên các tiêu chí xác định ý tưởng kinh doanh tốt.

- HS xây dựng kịch bản theo kế hoạch đã lập, GV theo dõi, động viên, hỗ trợ trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ.
- *Sản phẩm*: Sổ ghi chép của nhóm: tiến trình thực hiện nhiệm vụ và đóng vai để thực hiện kịch bản.
- GV tổ chức giới thiệu, bình chọn các ý tưởng kinh doanh hay dựa trên các tiêu chí: có tính vượt trội, tính mới mẻ, độc đáo, tính hữu dụng, tính khả thi và lợi thế cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ của mình so với các sản phẩm, dịch vụ đã có trên thị trường...

**Tổng kết bài học:** GV tổng kết nội dung chính và hướng dẫn HS tự đánh giá sau bài học.

**Phần thứ ba. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC  
MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11**

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11**

Đánh giá là một khâu quan trọng của quá trình dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật cho HS. Việc đánh giá kết quả giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật theo tinh thần đổi mới hướng tới mục đích chủ yếu của đánh giá là nhằm đánh giá khả năng tư duy, năng lực của HS theo các yêu cầu về năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học, khả năng

vận dụng kiến thức của HS vào đời sống thực tiễn; đánh giá thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề kinh tế, pháp luật trong đời sống xã hội.

Đánh giá theo định hướng phát triển năng lực, lấy kết quả đầu ra và các phương diện biểu hiện năng lực của học sinh làm căn cứ, chú ý đến các nội dung đánh giá mang tính tổng hợp, gắn với việc giải quyết các tình huống thực tiễn. Đồng thời, việc đánh giá không chỉ đánh giá kết quả đầu ra mà còn tập trung vào đánh giá quá trình, đánh giá sự tiến bộ của HS.

#### **4.1. Mục đích đánh giá**

Đánh giá kết quả giáo dục môn Giáo dục kinh tế và pháp luật theo định hướng phát triển năng lực HS nhằm mục đích: Xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của học sinh theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học.

#### **4.2. Yêu cầu đánh giá**

- Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.
- Đánh giá bảo đảm tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.
- Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kỹ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.
- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của học sinh; không so sánh học sinh với nhau.

#### **4.3. Định hướng đánh giá**

Đánh giá kết quả giáo dục của HS lớp 11 được thực hiện theo Thông tư 22, ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đánh giá kết quả giáo dục môn GDKTPL lớp 11 được thực hiện bằng hình thức nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số, thông qua đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

##### **4.3.1. Đánh giá cả về nhận thức và hành vi, thái độ của HS**

Mục đích cuối cùng của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là hình thành và phát triển các hành vi pháp luật và kinh tế, thái độ của HS trước các hiện tượng, vấn đề của đời sống thực tiễn xã hội xung quanh. Do vậy, đánh giá kết quả học tập

môn Giáo dục kinh tế và pháp luật của HS lớp 11 cần đánh giá cả về nhận thức và về thái độ, biểu hiện hành vi thực hiện bài học Giáo dục kinh tế và pháp luật của HS trong cuộc sống hằng ngày ở nhà trường, gia đình và cộng đồng, trong đó, đặc biệt coi trọng việc đánh giá hành vi của HS.

#### **4.3.2. Kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì**

##### ***a) Đánh giá thường xuyên***

– Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, sản phẩm học tập và quan sát biểu hiện về thái độ, hành vi của HS trong quá trình tham gia các hoạt động học tập được tổ chức trên lớp học, các hoạt động tập thể và trong sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày.

– Mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần (không bao gồm chuyên đề học tập), trong đó chọn số điểm đánh giá thường xuyên (ĐDGtx) trong mỗi học kì cho môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 là 3 ĐDGtx.

– Đối với cụm chuyên đề học tập môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11, mỗi học sinh được chọn kết quả của 1 lần kiểm tra, đánh giá làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả này được tính là kết quả của 1 lần đánh giá thường xuyên của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10 và ghi vào sổ theo dõi, đánh giá học sinh (theo lớp học).

##### ***b) Đánh giá định kì***

– Đánh giá định kì (không thực hiện đối với cụm chuyên đề học tập), gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) là 45 phút.

+ Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số, đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra, đáp ứng theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

– Trong mỗi học kì, mỗi môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số có 1 điểm đánh giá giữa kì (ĐDGgk) và 1 điểm đánh giá cuối kì (ĐDGck).

#### **4.3.3. Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số**

##### ***a) Đánh giá bằng nhận xét***



GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình học tập. HS dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân. Cha mẹ học sinh, những cá nhân, tổ chức có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

### ***b) Đánh giá bằng điểm số***

GV dùng điểm số để đánh giá kết quả học tập của HS.

Việc đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên và định kì phù hợp với đặc thù của môn Giáo dục kinh tế và pháp luật.

Việc đánh giá phải bảo đảm nguyên tắc: Đánh giá sự tiến bộ của HS, coi trọng sự động viên, khuyến khích cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy nhiều nhất năng lực sẵn có hoặc đã được hình thành; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và cha mẹ HS.

## **II. ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  
**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11**  
**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

TT	Chủ đề	Nội dung	Mức độ đánh giá								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu TN	Số câu TL	Tổng điểm
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL			
1	Quyền và nghĩa vụ công dân	1. Quyền bình đẳng của công dân	10		8			1/2		1/2	18	1	6.0
		2. Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân	6		4			1/2		1/2	10	1	4.0
<b>Tổng câu</b>			<b>16</b>		<b>12</b>			<b>1</b>		<b>1</b>	<b>28</b>	<b>2</b>	<b>10 điểm</b>
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>		<b>30%</b>		<b>20%</b>		<b>10%</b>		<b>100</b>		
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>				<b>30%</b>				<b>100</b>		

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết, thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng. Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu.

- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận. Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

**ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  
**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11**  
**THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

				<b>Số câu hỏi theo mức độ đánh giá</b>			
				<i>Nhận biết</i>	<i>Thông hiểu</i>	<i>Vận dụng</i>	<i>Vận dụng cao</i>
<b>1</b>	<b>Quyền và nghĩa vụ công dân</b>	<b>1. Quyền bình đẳng của công dân</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về:</li> <li>+ Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí).</li> <li>+ Bình đẳng giới trong các lĩnh vực.</li> <li>+ Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>Trình bày được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <p>Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.</p> <p><b>Vận dụng cao:</b></p>	10 TN	8 TN	1/2 TL	1/2 TL

			Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân.				
		<b>2. Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân</b>	<p><b>Nhận biết:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về:</li> <li>+ Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lí nhà nước và xã hội.</li> <li>+ Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử.</li> <li>+ Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo.</li> </ul> <p><b>Thông hiểu:</b></p> <p>Trình bày được hậu quả của hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân.</p> <p><b>Vận dụng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.</li> <li>- Phân tích được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân.</li> <li>- <b>Vận dụng cao:</b></li> </ul> <p>Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền dân chủ của công dân.</p>	6 TN	4 TN	1/2 TL	1/2 TL
<b>Tổng</b>				<b>16 TN</b>	<b>12 TN</b>	<b>1 TL</b>	<b>1 TL</b>

<b>Tỉ lệ %</b>		<b>40%</b>	<b>30%</b>	<b>20%</b>	<b>10%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>		<b>70%</b>		<b>30%</b>	

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  
**MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT – LỚP 11**

Thời gian làm bài: 45 phút (không tính thời gian phát đề)

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7 ĐIỂM)**

**Khoanh vào chữ cái đứng trước phương án đúng**

**Câu 1.** Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là

- A. mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ như nhau.
- B. mọi công dân đều được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội.
- C. mọi công dân đều có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc như nhau.
- D. mọi công dân đều có nghĩa vụ nộp thuế như nhau.

**Câu 2.** Nội dung nào dưới đây *không* thể hiện quyền bình đẳng của công dân?

- A. Công dân bình đẳng về quyền bầu cử và ứng cử.
- B. Công dân bình đẳng về nghĩa vụ đóng thuế.
- C. Công dân bình đẳng về nghĩa vụ làm từ thiện.
- D. Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ học tập.

**Câu 3.** Mọi công dân khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều có quyền tự do kinh doanh là thể hiện công dân bình đẳng

- A. trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh.
- B. về điều kiện sản xuất kinh doanh.
- C. về quyền và nghĩa vụ kinh doanh.
- D. về hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Câu 4.** Bất kì người nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lí theo quy định của pháp luật là thể hiện công dân bình đẳng về

- A. trách nhiệm pháp lí.

- B. quyền và nghĩa vụ.
- C. trách nhiệm trước pháp luật.
- D. trách nhiệm và nghĩa vụ.

**Câu 5.** Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lí có nghĩa là

- A. công dân ở bất kì độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lí như nhau.
- B. công dân nào vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị đều phải chịu trách nhiệm kỉ luật.
- C. công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lí theo quy định của pháp luật.
- D. công dân nào do thiếu hiểu biết mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lí.

**Câu 6.** Theo quy định của pháp luật, ý kiến nào dưới đây là đúng về tỉ lệ nữ tham gia làm đại biểu Hội đồng nhân dân?

- A. Nữ chỉ cần có một người đại diện là được.
- B. Cần đảm bảo tỉ lệ thích đáng nữ đại biểu.
- C. Tỉ lệ nữ phải bằng với tỉ lệ nam.
- D. Tỉ lệ nữ nhất định phải nhiều hơn nam.

**Câu 7.** Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây là biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế?

- A. Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm.
- B. Nam, nữ bình đẳng trong việc thành lập và điều hành doanh nghiệp.
- C. Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế.
- D. Doanh nghiệp đảm bảo an toàn cho lao động nữ khi làm việc nặng nhọc.

**Câu 8.** Hành vi nào dưới đây vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục?

- A. Đảm bảo nam, nữ có cơ hội như nhau trong học tập và đào tạo.
- B. Quy định tuổi đào tạo, tuổi tuyển sinh khác nhau giữa nam và nữ.
- C. Nữ cán bộ mang theo con nhỏ khi tham gia đào tạo được hỗ trợ theo quy định.
- D. Việc tiếp cận, hưởng thụ chính sách về nghiệp vụ bình đẳng giữa nam và nữ.

**Câu 9.** Nội dung nào dưới đây là biểu hiện của quyền bình đẳng giữa các dân tộc về kinh tế?

- A. Các dân tộc có cơ hội như nhau khi lựa chọn việc làm.
- B. Các dân tộc được tham gia vào bộ máy nhà nước.

- C. Các dân tộc được sử dụng ngôn ngữ của mình.
- D. Các dân tộc có cơ hội lựa chọn hình thức học tập

**Câu 10.** Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là

- A. tôn giáo nào được Nhà nước công nhận sẽ được hưởng quyền nhiều hơn.
- B. các tôn giáo khác nhau chỉ bình đẳng khi được thực hiện nghi lễ của mình.
- C. mọi tôn giáo đều được công nhận và được bảo vệ quyền thực hành tôn giáo.
- D. tất cả các tôn giáo sẽ được tự do thực hành nghi lễ và giáo lí của mình.

**Câu 11.** Quyền nào dưới đây là quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội của công dân?

- A. Quyền có nơi ở hợp pháp.
- B. Quyền giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước.
- C. Quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp.
- D. Quyền được bảo đảm an sinh xã hội.

**Câu 12.** Ở phạm vi cơ sở, quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội của công dân được thể hiện ở nội dung nào?

- A. Biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.
- B. Góp ý kiến xây dựng các văn bản pháp luật.
- C. Thảo luận các vấn đề trọng đại của đất nước.
- D. Tham gia quyết định trực tiếp những vấn đề liên quan đến đời sống.

**Câu 13.** Nội dung nào sau đây **không** phải là nguyên tắc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp?

- A. Phổ thông.
- B. Dân chủ.
- C. Bình đẳng.
- D. Bỏ phiếu kín.

**Câu 14.** Công dân thực hiện quyền ứng cử của mình bằng hình thức nào dưới đây?

- A. Được đề cử.
- B. Được đề xuất.
- C. Được tổ chức giới thiệu ứng cử.
- D. Được cá nhân giới thiệu ứng cử.



**Câu 15.** Công dân có quyền khiếu nại trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Phát hiện người buôn bán động vật quý hiếm.
- B. Khi có căn cứ cho rằng quyết định kỉ luật cán bộ, công chức là trái pháp luật.
- C. Phát hiện người lấy trộm tài sản nhà nước.
- D. Không đồng ý với quyết định kỉ luật của giám đốc công ty, vì không trao đổi trước với mình.

**Câu 16.** Công dân được quyền tố cáo khi phát hiện điều gì dưới đây?

- A. Quyết định kỉ luật của giám đốc công ty trái pháp luật.
- B. Hành vi vi phạm pháp luật của một người gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước.
- C. Cán bộ cơ quan thuế áp mức thuế cao hơn so với thực tế kinh doanh của công ty.
- D. Quyết định xử phạt hành chính của người có thẩm quyền xâm phạm lợi ích hợp pháp của mình.

**Câu 17.** Quyền bình đẳng trước pháp luật tạo điều kiện để công dân

- A. được làm mọi việc theo khả năng của mình.
- B. được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
- C. được sống một cuộc sống tốt đẹp.
- D. được phát triển về kinh tế, văn hoá, giáo dục.

**Câu 18.** Quyền bình đẳng trước pháp luật mang lại lợi ích nào dưới đây cho xã hội?

- A. Làm cho xã hội văn minh như các nước phát triển.
- B. Thúc đẩy tiến bộ xã hội một cách nhanh chóng.
- C. Là cơ sở đảm bảo cho xã hội an toàn, ổn định và phát triển.
- D. Đảm bảo cho xã hội không còn người nghèo khổ.

**Câu 19.** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện ý nghĩa của bình đẳng giới trong đời sống xã hội?

- A. Đảm bảo công bằng và nhân văn cho mọi thành viên trong xã hội.
- B. Đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của nam và nữ trong mọi lĩnh vực.
- C. Đảm bảo quyền lợi và cơ hội cho các giới tính khác nhau.
- D. Đảm bảo giới hạn về quyền lợi của nữ trong mọi lĩnh vực.

**Câu 20.** Bình đẳng giới tạo điều kiện cho nam và nữ

- A. có công việc ổn định.
- B. phát huy được năng lực của mình.
- C. phát huy được tài năng như nhau.
- D. phát triển được bản sắc riêng.

**Câu 21.** Quyền bình đẳng giữa các dân tộc có ý nghĩa ở nội dung nào dưới đây?

- A. Để các dân tộc được phát triển nhanh chóng về kinh tế, văn hoá, giáo dục.
- B. Tạo điều kiện để các dân tộc có sự phát triển ngang bằng nhau về mọi mặt.
- C. Để dân tộc nào cũng giàu có, văn minh.
- D. Để xoá bỏ ngay sự chênh lệch giữa các tỉnh miền núi và các tỉnh đồng bằng.

**Câu 22.** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện ý nghĩa của việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo?

- A. Giảm xung đột và mâu thuẫn giữa các tôn giáo.
- B. Tạo ra sự đoàn kết và hỗ trợ giữa các tôn giáo.
- C. Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của mọi người.
- D. Tạo sự phát triển đồng đều cho tất cả mọi người.

**Câu 23.** Hậu quả nào dưới đây có thể đến với người vi phạm quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội của công dân?

- A. Phải chịu trách nhiệm pháp lí với các mức độ khác nhau.
- B. Bị dư luận xã hội phê phán.
- C. Không thực hiện được quyền công dân.
- D. Không được phát triển về mọi mặt.

**Câu 24.** Nội dung nào sau đây **không** phải là hậu quả của hành vi vi phạm quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội?

- A. Không phát huy được ý thức và vai trò làm chủ của bản thân.
- B. Làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.
- C. Người vi phạm bị ảnh hưởng đến danh dự và nhân phẩm.
- D. Phải chịu trách nhiệm pháp lí về hành vi vi phạm.

- Câu 25.** Hậu quả nào dưới đây có thể đến với người vi phạm quyền bầu cử và ứng cử của công dân?
- A. Gây hỗn loạn cho xã hội.
  - B. Gây bức xúc trong dư luận xã hội.
  - C. Không thực hiện đúng trách nhiệm của công dân.
  - D. Làm ảnh hưởng đến thời giờ và tiền bạc của nhân dân.
- Câu 26.** Nội dung nào sau đây **không** thể hiện hậu quả của hành vi vi phạm quyền bầu cử, ứng cử của công dân?
- A. Làm sai lệch kết quả bầu cử.
  - B. Gây thiệt hại về tài sản.
  - C. Thực hiện quyền dân chủ của công dân.
  - D. Không thể hiện được vai trò làm chủ của bản thân.
- Câu 27.** Hành vi vi phạm quyền khiếu nại, tố cáo có thể gây ra hậu quả nào dưới đây?
- A. Xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
  - B. Ảnh hưởng đến điều kiện làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
  - C. Ảnh hưởng đến an ninh chính trị đất nước.
  - D. Gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước.
- Câu 28.** Hậu quả nào có thể xảy ra đối với người vi phạm quyền khiếu nại, tố cáo?
- A. Bị chịu kỉ luật buộc thôi việc.
  - B. Bị ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và nhân phẩm.
  - C. Có thể bị xử lí kỉ luật, hành chính, hình sự hoặc dân sự.
  - D. Bị buộc phải rút đơn tố cáo, cải chính công khai.

## **PHẦN II. TỰ LUẬN (3 ĐIỂM)**

### **Câu 1 (1,5 điểm)**

Tại một ngã ba đường phố, anh cảnh sát giao thông lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với người vi phạm. Người vi phạm là K, H và C, D (đều cùng 17 tuổi) do không đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe đạp điện. Trong trường hợp này, anh cảnh sát giao thông chỉ xử phạt tiền đối với K và H, mà không xử phạt C và D, vì C và D nói chuyện với anh cảnh sát giao thông và được thông cảm.

Chứng kiến cảnh này, về nhà K và H kể lại câu chuyện cho bố mẹ các bạn nghe. Bố của K cho rằng anh cảnh sát giao thông xử phạt không công bằng, còn bố của H thì cho rằng, do K và H không xin nên anh cảnh sát giao thông xử phạt như thế là đúng.

*a) Em nhận xét thế nào về các ý kiến của bố bạn K và bố bạn H?*

*b) Theo em, việc anh cảnh sát giao thông xử phạt như vậy có thực hiện đúng quyền bình đẳng của công dân về trách nhiệm pháp lý không? Vì sao?*

### **Câu 2 (1,5 điểm)**

Ông Bình gửi đơn tố cáo đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tố cáo hành vi của một thanh tra tài nguyên môi trường huyện nhận hối lộ, bỏ qua cho hành vi vi phạm pháp luật của một cơ sở sản xuất kinh doanh. Trong đơn tố cáo, ông Bình nêu rõ họ tên, địa chỉ của mình và đề nghị với người có thẩm quyền giải quyết tố cáo được giữ bí mật họ tên, địa chỉ và các thông tin cá nhân khác của mình.

*a) Trong đơn tố cáo, ông Bình có nghĩa vụ nêu rõ họ tên và địa chỉ của mình hay không? Giải thích vì sao.*

*b) Căn cứ vào đâu ông Bình đưa ra đề nghị được giữ bí mật họ tên, địa chỉ và các thông tin cá nhân khác của mình?*

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Phần thứ nhất. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG.....</b>	<b>3</b>
I. Đặc điểm môn Giáo dục công dân .....	3
II. Quan điểm xây dựng chương trình .....	4
III. Mục tiêu môn Giáo dục kinh tế và pháp luật trung học phổ thông.....	5
IV. Yêu cầu cần đạt môn Giáo dục kinh tế và pháp luật trung học phổ thông .....	6
V. Nội dung môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 .....	12
VI. Tài liệu và phương tiện dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 .....	16
VII. Phương pháp dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11 .....	19
<b>Phần thứ hai. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC</b>	
<b>KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 8.....</b>	<b>34</b>
A. Hướng dẫn thực hiện chương trình .....	34
B. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy .....	57
<b>Phần thứ ba. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11 .....</b>	<b>70</b>
I. Đánh giá kết quả giáo dục .....	70
II. Đề kiểm tra và đánh giá định kì.....	73